

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 6

Ấn bản 8.7 1983-2017

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ **Khóa** _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

Nước chảy đá mòn.



Sách Cấp 6, ấn bản 8.6 1983-2015.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Chín, 2015.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gởi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose
P.O. Box 32563
San Jose, CA. 95152

Mục Lục

- Nội Quy.	iv
- Lời Mở Đầu.	v
- Định Nghĩa.	vi
- Những Nguyên Tắc Viết Chính Tả.	vii
- Chữ Cái và Cách Phát Âm.	xi
- Tiêu chuẩn học sinh cấp 6	1
- Bài Ôn cấp 5	2
- Bài 1: □ Gia Đình Em. □ Tình Cha Con.	6,10
- Bài 2: □ Bữa Cơm Chiều. □ Nhường Cơm Sẻ Áo.	12, 16
- Bài 3: □ Tình Gia Tộc. □ Thăm Họ Hàng.	18, 22
- Bài 4: □ Lớp Em. □ Phượng Hoàng & Cây Khế.	24, 28
- Bài 5: □ Các Bạn Em. □ Hội Phụ Huynh Học Sinh.	30, 34
- Bài 6: □ Lễ Chào Cờ. □ Chúng Em Học Việt Ngữ.	36, 40
- Bài 7: □ Bài Thi Mẫu Kỳ Thi Giữa Khóa.	42
- Bài 8: □ Đi Chợ. □ Ốc và Tay Chân.	44, 48
- Bài 9: □ Đi Ăn Nhà Hàng. □ Đi Ăn Phở.	50, 54
- Bài 10: □ Lễ Tốt Nghiệp. □ Vua Có Lòng Nhân.	56, 60
- Bài 11: □ Thăm Quê Hương. □ Ông Già và Bốn Người Con.	62, 66
- Bài 12: □ Lòng Yêu Nước. □ Hoàng Tử Bồng.	68, 72
- Bài 13: □ Tính Ngay Thẳng. □ Vịnh Hạ Long.	74, 78
- Bài 14: □ Tính Kiên Nhẫn. □ Loài Vật Giúp Ích Cho Người.	80, 84
- Bài 15: □ Bài Thi Mẫu Kỳ Thi Cuối Khóa.	86
- Bài Tập làm văn mẫu.	88
- Ngữ vựng đã học.	89
- Bản đồ Việt Nam.	97
- Tài liệu tham khảo.	98
- Quốc ca.	99
- Văn Lang Hành Khúc	100
- Ngôi Trường Văn Lang	101
- Việt Nam Việt Nam.	102
- Việt Nam QuêHương Ngạo Nghề	103

Nội quy dành cho Học sinh và Phụ huynh thuộc TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**, học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép vào lớp.
- 2- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trước với Thầy, Cô giáo, gọi vào điện thoại Trung Tâm hoặc đến gặp Ban trật tự trình bày lý do nghỉ học vừa qua. Học sinh nghỉ liên tiếp 3 lần mà không có lý do chính đáng, không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 3- **Học sinh bắt buộc phải mặc đồng phục** (áo trắng có phù hiệu Văn Lang). Học sinh không được về sớm quá 5 lần trong một khoá học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm nếu người xin phép không phải là người đứng tên trong đơn xin nhập học hay sau 1 giờ trưa (trừ trường hợp khẩn cấp)
- 4- **Học sinh phải giữ kỷ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỷ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 5- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kỳ thi trong khóa học** (nếu không tham dự đầy đủ các kỳ thi sẽ đương nhiên ở lại lớp. Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kỳ hạn. Học sinh vắng mặt 5 lần dù có lý do chính đáng cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 6- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được ăn uống trong lớp học, di chuyển, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học. Mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng món và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học.
- 7- **Học sinh không được mang giày có bánh xe** trong khuôn viên nhà trường và **các loại đồ chơi vào lớp học** bao gồm: đồ chơi bằng hình (game cards), máy chơi điện tử (Ds Lite, Dsi v.v..), máy hát (ipod, Mp3...) nếu bị bắt gặp chơi trong giờ học lần đầu sẽ bị cảnh cáo và thông báo đến cha mẹ. Nếu tiếp tục học sinh sẽ được cho thôi học. Những trường hợp mất mát nhà trường không chịu trách nhiệm.
- 8- **Cấm Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường gây gộc, các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí. Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh.
- 9- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường. Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 10- **Phụ huynh không được theo con em vào lớp học** nếu không có sự đồng ý của Ban điều hành. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose có mọi thẩm quyền xử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 11- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lý do gì)

Lưu ý: Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỷ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn
Phụ Huynh ký tên:

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 10 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 10. Mỗi tập gồm có bài học trong lớp và bài làm ở nhà. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose,
California, U . S . A.

CHÚ THÍCH

(Dành riêng cho quý Thầy Cô và Phụ huynh)

Hàng tuần mỗi bài học được chia ra làm ba phần:

PHẦN I. EM HỌC CHỮ CÁI.

Trước hết, quý Thầy Cô viết các chữ cái lên bảng và cho các em đọc theo ba lần. Sau đó nhìn vào sách đọc lại.

Thầy Cô cho các em nhận biết mặt chữ theo hai giai đoạn sau:

- 1- Mỗi em cần có một bảng con (như loại bảng lite board). Thầy Cô đọc chữ cái cho các em viết lên bảng con, xong đưa cao bảng lên để tiện theo dõi.
- 2- Thực tập ngay trong sách có hình vẽ thích hợp với câu ngắn. Thầy Cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ cái tìm thấy trong câu (xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). ***Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.***

Trong các bài học ôn, chúng tôi gắng viết những câu ngắn với các từ mà các em đã học (chỉ gồm hai chữ cái).

Các bài này còn được dùng để Thầy Cô đọc chính tả hay soạn bài thi cho các em.

PHẦN II. EM RÁP VẦN VÀ ĐẶT CÂU.

- 1- **Em ráp vần:** Thầy Cô viết các từ đã ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.
Thí dụ: Từ **ba** đánh vần **bờ-a-ba**.
Thầy Cô gọi vài em đứng lên tự đánh vần để kiểm soát.
- 2- **Tập đặt câu:** Với mỗi từ, chúng tôi đặt một câu ngắn kèm theo. Thầy Cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. ***Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này.*** Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ngắn ấy.
Thí dụ: Trong câu: **ba bà đi chợ** các em khoanh tròn từ **ba** đã học ở trên. Những câu ngắn này sẽ giúp các em tập đặt câu và làm luận văn ở những lớp cao hơn.
- 3- **Em tập viết:** Thầy Cô hãy dặn các em vừa viết vừa đọc đủ nhỏ cho chính các em nghe. Em nào chép xong đưa tay lên để khuyến khích các em khác viết nhanh hơn cho kịp bạn.
- 4- **Bài hát và học thuộc lòng:** Không những đã học đầy đủ 23 chữ cái, các em lại còn được dạy thêm một số bài học thuộc lòng xen kẽ với những bài hát ngắn để khích lệ các em vui học trong lớp.

PHẦN III. BÀI LÀM

- 1- **Bài làm trong lớp:** Chúng tôi dùng một số hình vẽ và từ đã học trong phần I và II. Các em sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái mỗi ô hình để điền vào chỗ trống trong câu cho đúng. Nhờ hình vẽ các em dễ thuộc bài học hơn.
- 2- **Bài làm ở nhà:** Phần này cũng đơn giản, cố sao cho các em tự làm được ở nhà. Trang đầu là tập viết các chữ cái và từ đã học. Trang sau là các hình vẽ với những tiếng còn thiếu chữ cái, các em cũng sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái ô hình để điền vào chỗ trống. Trong các bài học ôn, các em sẽ chọn và viết từ hoặc câu văn ngắn thích hợp cho mỗi hình vẽ.

Phần này còn có thêm một tập riêng có in tên và ngày tháng dùng cho học sinh điền tên và ngày tháng vào rồi làm bài trên đó. Học sinh lấy bài làm ra khỏi tập để nộp cho Thầy Cô vào tuần tới.

Ngoài ra ở cuối mỗi bài học thường có một câu tục ngữ. Thí dụ ở cuối bài 1 có câu: ***Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời.*** Thầy Cô đọc cho các em nghe và giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ ấy. Phần giải nghĩa các câu tục ngữ có ở cuối sách.

Chúng tôi ước mong tập sách nhỏ này sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng hơn trong các buổi dạy vỡ lòng cho các em còn rất nhiều bỡ ngỡ với tiếng Việt.

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose



ĐỊNH NGHĨA

I - CHỮ Chữ là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.

Tiếng Việt có 23 chữ cái:

a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.

II - ÂM Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).

Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:

- 12 nguyên âm: **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.**
- 17 phụ âm đơn: **b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.**
- 11 phụ âm ghép: **ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.**

III - VẦN Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: **a, o, ui, iết, ong, iêng, ươm** v. v. . .

IV - TIẾNG Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.

Thí dụ: **A! bông hoa đẹp quá.**

Câu này có năm tiếng.

V - TỪ Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.

Thí dụ:

- **A, ba, nhà** là ba từ đơn.
- **Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng** là bốn từ ghép.

NHỮNG NGUYÊN TẮC VIẾT CHÍNH TẢ

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ kẻ trồng cây.
- **Gần** mực thì đen, gần đèn thì **rạng**.

2a) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

Trường hợp phụ âm ghép “qu” thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Chị đói **quá** nên ăn hết đồ ăn của em.
- Ăn **quả** xanh dễ bị đau bụng.
- **Quý** vị làm ơn cúi đầu khi làm lễ.

2b) Nếu từ có hai nguyên âm, một mang dấu mũ và một không có dấu mũ, thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm có dấu mũ như :

- Anh đừng có **quở** cháu **tội** nghiệp.
- Bảy **giờ** đã quá sáu **giờ** chiều.
- Cúng **giỗ** ở bên này phải **lựa** ngày **bảy** trẻ không đi làm.
- **Quế** đóng **thuế** trễ nên bị phạt

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

5) Nếu từ có ba nguyên âm ở giữa phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm cuối như :

- Em nghĩ **chuyện huyền** thoại là **truyền thuyết** không có thật.
- **Quyển** sách đó nói về các vua nhà **Nguyễn**.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (·) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

***“Em Huyền (˘) mang Nặng (·) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào”.***

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hỏa hoạn, Thở thán

C- Viết chính tả với chữ i và y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ i khi i ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi tỵ nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ **y**.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngồi y
y kiến	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:

nước chảy (ay)	không thể viết	● Từ có vần:	nước chải (ai)
ngày nay (ay)	không thể viết		ngày nai (ai)
say túy lúy (uy)	không thể viết		say túi lúi (ui)
cô Thúy (uy)	không thể viết		cô Thúi (ui)
v. v. . .			

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu **Í** (tên nhà văn)
 Lý Thường Kiệt (tên một danh tướng)
 Mỹ Tho (tên một tỉnh)
 Mỹ Quốc (tên một nước)
 v. v. . .

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.



23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a	B b	C c	D d	Đ đ	E e	G g	H h
I i	K k	L l	M m	N n	O o	P p	Q q
R r	S s	T t	U u	V v	X x	Y y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ:  * Dấu á:  * Dấu móc: 

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A a	Ă á	Â ớ	B bờ	C cờ	D dờ	Đ đờ	E e
Ê ê	G gờ	H hờ	I i	K ca	L lờ	M mờ	N nờ
O o	Ô ô	Ơ ơ	P pờ	Q quờ	R rờ	S sờ	T tờ
U u	Ư ư		V vờ	X xờ	Y i-cờ-rét		

12 nguyên âm đơn

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ó</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	<i>i-cờ-rét</i>

11 phụ âm ghép

CH	GH	GI	KH
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>

NG	NGH
<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>

NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

Tiêu Chuẩn cho học sinh cấp 6

- Chính tả và tập đọc đoạn văn 10 – 20 dòng, tìm đại ý
- Điền vào chỗ trống và Tập làm văn.
- Giải nghĩa và đặt câu
- Học đối thoại về Công dân giáo dục, phong tục, tập quán, lễ lộc, gia đình, thức ăn Việt Nam
- Học thuộc lòng
- Đồng nghĩa và phản nghĩa
- Việt sử (Lý Thái Tổ, Lý Thường Kiệt, Lý Thánh Tôn)
- Địa lí Việt Nam (Ngư nghiệp, tiểu công nghệ, Vịnh Hạ Long)
- Học kể chuyện cổ tích Việt Nam
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất hai bài kiểm tra (mỗi bài 60 phút) và hai bài kiểm tra (mỗi bài 15 phút)
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2

BÀI ÔN CẤP 5

- **Vần.**

oam oao oay oăc oăm oeo oen
oet oong uêch uênh ươm ươn ương
urop uya uych uyên uyêt uynh uyư
uyt

- **Tập đọc có vần:**

oam	→	ngoạ m thịt	ươm	→	con bu ơ m
oao	→	ngoao ngoa o	ươn	→	con lu ơ n
oay	→	nướ c xoá y	ương	→	xu ơ ng sườ n
oăc	→	ngoặ c đ ơ n	urop	→	trái m u ớ p
oăm	→	oái o ă m	uya	→	đ ê m kh u ya
oeo	→	ngo é o t ay	uych	→	ng ã hu ỵ ch
oen	→	kh o en t ai	uyên	→	k ể ch u uyện
oet	→	l ò e l o ệ t	uyêt	→	tr ắ ng kh u ý ê t
oong	→	xo o ng ch ả o	uynh	→	hu ỵ nh đ ê
uêch	→	r ồ ng tu ế ch	uyu	→	kh ú c kh u ỷ u
uênh	→	hu ê nh ho ang	uyt	→	hu ý t c ò i

** Thầy cô có thể thêm vào những từ khác liên kết với những vần trên để các em tập đọc*

- **Bài Tập.**

Đặt câu với những từ ở trên có vần:

oam, uênh, ươn, uya, uyên, uynh, uyêt.

- **Đặt từ với những vần dưới đây:**

oao: _____ **oet:** _____ **uych:** _____
oăc: _____ **uơm:** _____ **uynh:** _____
oeo: _____ **urop:** _____ **uyt:** _____

- **Tập đọc - Chính tả**

** Thầy cô đọc chính tả cho các em viết*

Phải Kính Trọng Thầy Cô

Nhà trường là nơi thầy cô thay cha mẹ dạy bảo các em học tập để mở mang **trí tuệ**.

Trải qua những tháng năm **rèn luyện**, các em mới biết đọc, biết viết. Học sinh còn được dạy lễ phép và thương yêu mọi người. Có đôi lúc một vài em vô tình hay cố ý không vâng lời, thầy cô vẫn **khoan dung** và **trìu mến** như con, em trong gia đình.

Bởi vậy các em học sinh phải kính trọng thầy cô như tôn kính cha mẹ mình.

Giải nghĩa:

- **Kính trọng:** Tôn kính và quý mến. - **Trí tuệ:** Khả năng hiểu biết bằng trí óc. - **Rèn luyện:** Học tập để đạt tới thông thạo. - **Khoan dung:** Rộng lượng tha thứ khi có lỗi. - **Trìu mến:** Biểu lộ tình thương tha thiết.

Đại ý:

Các em phải kính trọng thầy cô như tôn kính cha mẹ mình.

- **Tìm từ - Đặt câu.**

Tìm từ phản nghĩa:

giỏi $\neq$

yêu thương $\neq$

chăm chỉ $\neq$

siêng năng $\neq$

Tìm từ đồng nghĩa:

nhọc nhằn $=$

chỉ bảo $=$

học đường $=$

cha mẹ $=$

Đặt câu:

Học giỏi.

.....

Chỉ bảo.

.....

Yêu thương.

.....

Chăm chỉ.

.....

Học đường.

.....

- **Viết sử.**

Đinh Bộ Lĩnh

Sau khi tướng quân Ngô Quyền mất, em vợ của ông là Dương Tam Kha lạm quyền khiến cho đất nước rối loạn. Các tướng chia nhau chiếm đất và lập thành 12 sứ quân. Các sứ quân này mang quân đánh lẫn nhau khiến cho đời sống dân chúng rất là khổ sở.

Ông Đinh Bộ Lĩnh thừa nhỏ hay bày quân tập trận chơi đùa, lấy bông lau làm cờ. Lớn lên, ông có tài đánh dẹp được các sứ quân khác và thống nhất đất nước.

Năm 968, ông lên làm vua lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng Đế, đóng đô ở Hoa Lư (nay là tỉnh Ninh Bình) và đặt tên nước ta là Đại Cồ Việt.

Câu hỏi:

1- Lúc nhỏ, Đinh Bộ Lĩnh chơi đùa thường lấy cái gì làm cờ ?

2- Đinh Bộ Lĩnh lên làm vua lấy hiệu là gì ?

3- Đinh Bộ Lĩnh đặt tên nước là gì ?

- **Địa lí.**

Chăn Nuôi

Việt Nam có nhiều đồng cỏ thuận tiện cho việc chăn nuôi. Tuy nhiên, ngành chăn nuôi không được coi là quan trọng bằng nghề nông và chỉ có tính cách gia đình. Nuôi **gia súc** để phục vụ nông nghiệp hoặc cho thịt đủ dùng trong gia đình.

Phần lớn các loại gia súc như trâu, bò, ngựa được nuôi cho các công tác canh nông hay chuyên chở. Các loại gia súc khác như heo, dê, cừu, thỏ, gà, vịt ...vẫn chưa đủ để cung ứng cho **nhu cầu** trứng và thịt.

Giải nghĩa:

- **Gia súc:** Các loại thú vật nuôi trong trại. - **Nhu cầu:** Số lượng cần thiết.

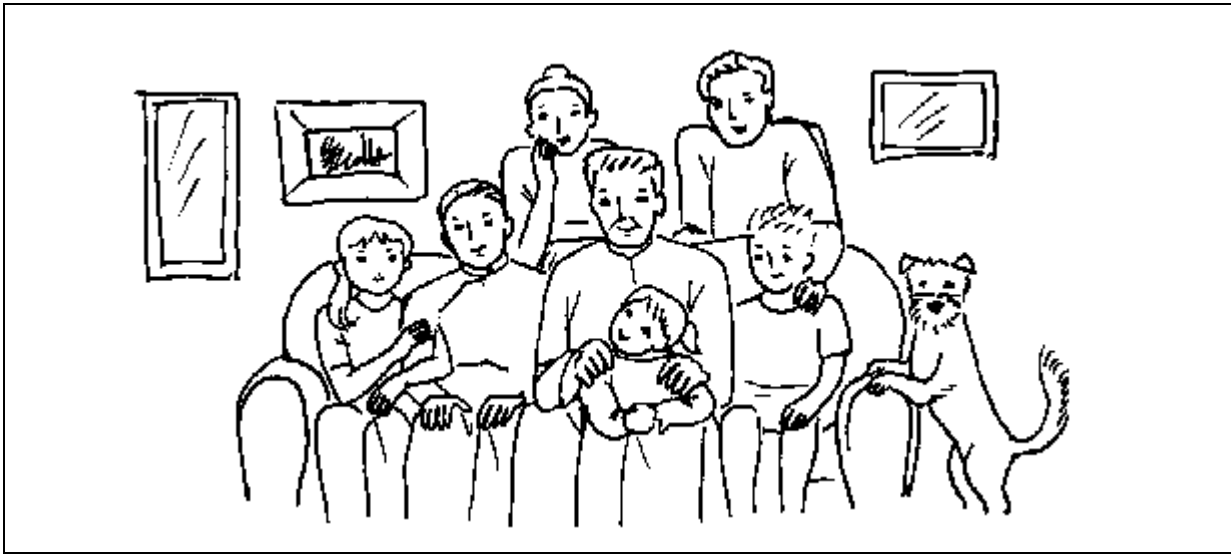
Trả lời câu hỏi:

1- Ở Việt Nam chăn nuôi có quan trọng bằng nông nghiệp không?

2- Người ta nuôi gia súc để làm gì?

3- Trâu, bò, ngựa được nuôi để làm gì? Số gà, vịt, heo, dê được nuôi có đủ dùng không?

BÀI MỘT



- **Chính tả.**

Gia Đình Em

Gia đình em gồm có ông bà ngoại, ba mẹ, em trai tên Tâm, bé Oanh và em là Mai.

Hàng ngày, ba mẹ em đi làm sớm. Em và Tâm đi học ở trường gần nhà. Ông bà ngoại ở nhà trông coi bé Oanh mới lên ba tuổi và dọn dẹp nhà cửa.

Buổi chiều, khi đi học về, chúng em rất vui được gặp lại bé Oanh và con chó Cody. Bé Oanh **lú lo** như chim. Con chó thì **ve vầy** đuôi và chạy loanh quanh.

Thường thường, sau buổi học, bạn em là Liên theo em về nhà nghỉ ngơi và cùng làm bài. Liên ở gần nhà em và sống với mẹ mà thôi. Em thương mến Liên vì Liên rất **cô đơn**.

Giải nghĩa:

- **Lú lo:** Nói nhiều và nhanh. - **Ve vầy:** Vẫy qua vẫy lại. - **Cô đơn:** Một mình, không có ai ở gần bên cạnh.

Đại ý:

Sinh hoạt của mỗi người trong gia đình em.

• Phân biệt tiếng.

Da

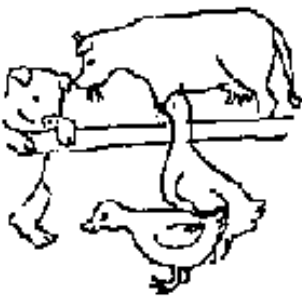
Da cóc - Da gà
Ví da - Ghế da

Gia

Gia đình - Gia súc
Nông gia - Quốc gia

- Ứng dụng:

Hãy điền từ vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

1  _____ xù xì.	2  Bầy _____	3  Cái _____
4  Lá cờ _____	5  Ghế bọc _____	6  _____ Tâm

Giải nghĩa:

- **Ứng dụng:** Dùng những tiếng vừa học đặt thành câu.
- **Gia súc:** Thú vật nuôi trong nhà hay trong chuồng. - **Nông gia:** Người trông trọt, cày cấy.
- **Quốc gia:** Một nước có đất đai, dân chúng và chủ quyền.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Gia Đình Em” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ông bà ngoại ở chung với ____ (1) ____ Mai. Tâm là ____ (2) ____ của Mai. Bé Oanh là em gái của Mai. Ba mẹ Mai phải đi làm sớm mỗi ngày. Ông bà ____ (3) ____ ở nhà trông bé Oanh. Tâm và Mai đi học ở ____ (4) ____ gần nhà. Khi thấy anh chị đi học về, bé Oanh lú lo như chim, con chó Cody ____ (5) ____ đuôi mừng. Liên là bạn của Mai cũng thường về nhà làm bài chung với Mai. Liên cũng là ____ (6) ____ giỏi trong lớp. Mọi người trong gia đình Mai đều quý mến Liên.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: DA hay GIA

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| a- _(7)_ dẻ em bé hồng hào. | b- _(8)_ đình Mai sum họp. |
| c- Đôi giày _(9)_. | d- Thất lung _(10)_. |
| đ- Gà, heo là _(11)_ súc. | e- Quốc _(12)_ Việt Nam. |

Đặt câu:

áo da - cờ quốc gia - gia đình

III - Thêm dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ in nghiêng và đậm:

- | | |
|--|---|
| a- Ăn no ngu ki | b- Ăn qua nhớ ke trồng cây. |
| c- Ai hoi mà nói, ai gọi mà thưa. | d- Hay ăn mà chăng hay làm. |
| đ- Tiên học lê , hậu học văn. | e- Nước chay đá mòn. |

Đặt câu:

đi ngủ - lễ phép - rẽ cây

Lưu ý quý thầy cô: Trong phần bài tập này, các em học sinh làm bài trên tờ giấy rời để nộp thầy cô chấm điểm. Phần I và II, các em chỉ cần viết số thứ tự với từ thích hợp. Các phần còn lại phải viết đầy đủ cả câu.

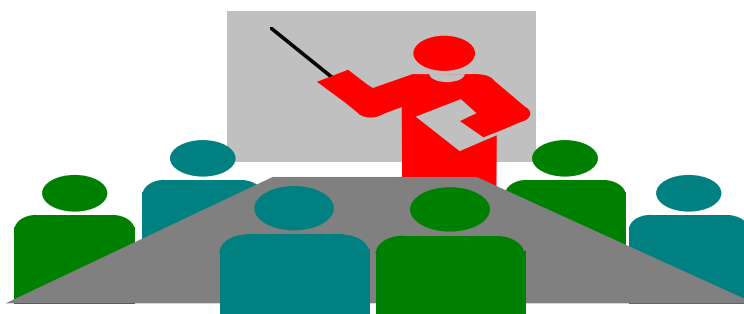
• **Đối thoại.**

Đi Học Về

- **Mai, Liên và Tâm:** *Thưa bà! Chúng cháu đã về.*
- **Bà ngoại:** *A! Các cháu về đúng giờ lắm!
Ồ! Có cả cháu Liên nữa!
Vào đây bà sẽ đãi mỗi cháu một ly chè.*
- **Liên:** *Thưa bà, chè ngon quá! Gặp lúc cháu đang đói nữa, cháu cảm ơn bà.*
- **Bà Ngoại:** *Giờ này chắc mẹ cháu chưa về ?*
- **Mai:** *Má của Liên sẽ về lúc sáu giờ ngoại ạ. Bây giờ ngoại cho phép Liên ở lại đây cùng làm bài với cháu nhé.*
- **Bà Ngoại:** *Được lắm! Cháu Liên cứ ở lại đây cùng làm bài với Mai cho vui. Các cháu sẽ học bài và làm bài chung với nhau nhanh hơn. “ Học thầy không tày học bạn ” đấy các cháu ạ!*
- **Tâm:** *Chị Liên ham đọc sách và học giỏi lắm đó ngoại.*
- **Bà Ngoại:** *Hai cháu cố gắng theo gương bạn nhé.*

Giải nghĩa:

- **Đối thoại:** *Nói chuyện qua lại giữa hai người hay nhiều người với nhau dùng các từ sau đây: **lắm, nữa, quá, ạ, nhé, đó, cứ, là, gì** .*
- *Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.*



Bài làm ở nhà 1

- **Tập đọc.**

Tình Cha Con

Đã gần bảy giờ tối. Ngoài trời đang mưa to và gió lạnh.

Chưa thấy ba về, Tâm lo lắng khẽ nói:

- Sao chiều nay ba mình đi làm về trễ vậy ?

Tâm vừa nói xong thì ba đẩy cửa bước vào nhà, những hạt mưa còn **đọng** trên mái tóc. Ông Hiền đưa cho con một hộp giấy xinh xắn rồi nói:

- Ba mua cho con chiếc áo len này đây. Hãy mặc thử xem có vừa không ?

Thì ra ba Tâm đã chịu **rét mướt** để lo cho con được ấm áp.

Tâm lễ phép cảm ơn ba và **tự nhủ** phải chăm học hơn nữa để cha mẹ được vui lòng.

Giải nghĩa:

- **Đọng:** Còn vương lại chưa tan đi. - **Rét mướt:** Gió lạnh và ẩm ướt.

- **Tự nhủ:** Nói với chính mình.

Đại ý:

Người cha chịu rét lạnh để đi mua áo ấm cho con.

- **Bài làm.**

1- Câu hỏi.

- a) Mấy giờ rồi mà ba Tâm chưa đi làm về ?
- b) Bên ngoài trời như thế nào ?
- c) Tại sao ba của Tâm hôm nay lại đi làm về trễ ?
- d) Tâm tự nhủ điều gì ?

2- Tập làm văn.

Dựa vào bài tập đọc trang 6, hãy viết tám (8) câu trở lên để giới thiệu với bạn những người thân trong gia đình của em.

3- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

Ngày Vui Mới

... Một hôm, mẹ mua sách vở và quần áo em đi học. Thế là bắt đầu nhưng ngày vui mới. Vào lớp, em được thầy to mau con voi, con ech. Có nhiều hình vẽ làm em thích thú. Cảnh đôi núi xinh xinh với bình minh rực rỡ trên rừng cây xanh thắm

Chúng Em Cùng Học - Cấp 4
TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

gia đình - ông bà - trường học - loanh quanh - dãi - ham

5- Tìm tiếng phản nghĩa:

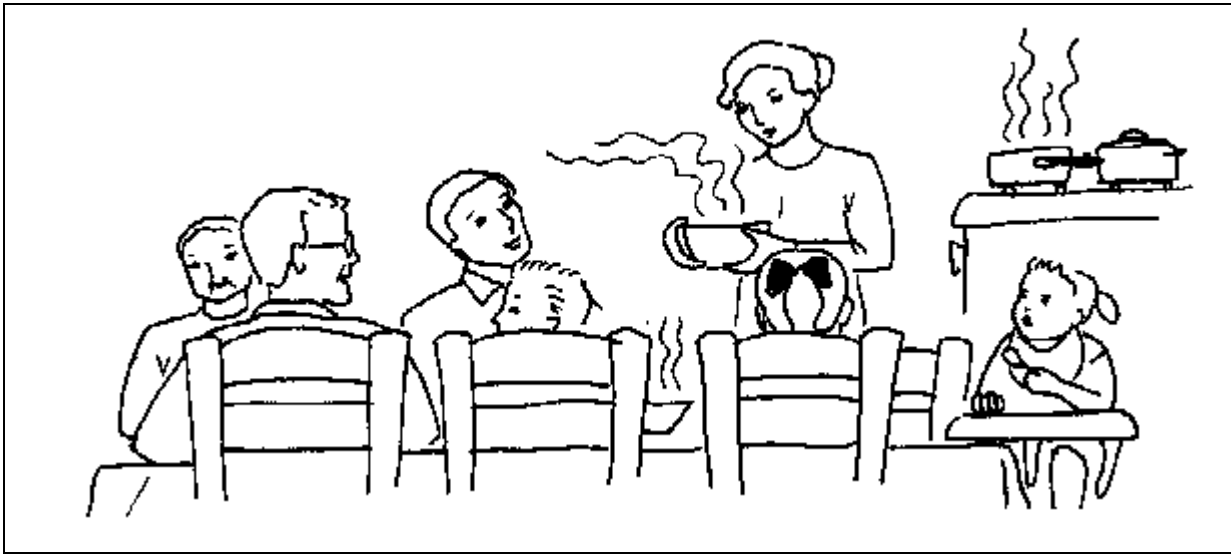
vui - lạnh - sớm - gần - ngoại

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Gia Đình Em” và “Tình Cha Con”

BÀI HAI



- **Chính tả.**

Bữa Cơm Chiều

Sau khi làm bài xong, chúng em ngồi xem TV được nửa giờ thì mẹ cũng vừa về đến nhà.

Trời mùa đông nên mới chỉ sáu giờ chiều mà bên ngoài đã **tối mịt**. Mẹ nghỉ ngơi, nói chuyện với ông bà ngoại và bé Oanh được một lát thì ba cũng về đến. Đạo này xa lộ đông xe lắm nên ba thường hay về trễ.

Mẹ bảo Tâm lau bàn, dọn chén đĩa. Mai thì phụ mẹ và bà ngoại bày các thức ăn lên bàn. Bà ngoại ở nhà vừa nấu xong món canh chua ngon tuyệt và nồi cơm nóng **thơm phức**. Còn món cá kho tộ, sườn rim mặn và dưa cải thì mẹ đã **chuẩn bị** từ tối hôm qua.

Cả nhà cùng ngồi ăn rất ngon miệng.

Giải nghĩa:

- **Tối mịt:** Rất tối. - **Thơm phức:** Mùi rất thơm. - **Chuẩn bị:** Đã sửa soạn xong từ trước.

Đại ý:

Mọi người trong gia đình cùng ăn bữa cơm chiều đầm ấm.

• Phân biệt tiếng.

Dao

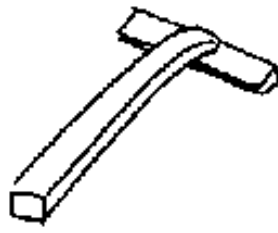
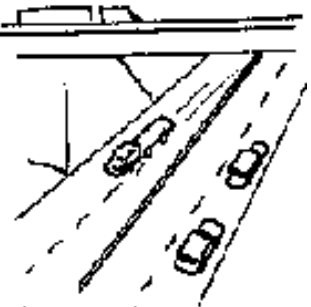
Dao cạo râu - Dao găm
Dao sắc - Ca dao

Giao

Giao tiền - Giao thông
Giao việc - Xã giao

- Ứng dụng:

Hãy điền từ vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

1  _____ lấy hàng.	2  _____ râu.	3 <i>“Công cha như núi Thái Sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.</i> Hai câu _____
4  _____ nhọn.	5  Đường _____.	6  Bắt tay _____

Giải nghĩa:

- **Giao thông:** Sự đi lại, chuyên chở hàng hóa từ nơi này đến nơi khác
- **Xã giao:** Sự tiếp xúc với nhau trong xã hội.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Bữa Cơm Chiều” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em cố gắng ____ (1) ____ xong để xem T.V. Mùa đông nên mới sáu giờ chiều, trời đã tối mịt. Mẹ em về nhà, nói ____ (2) ____ với ông bà ngoại. Buổi chiều ở xa lộ rất nhiều xe. Tâm lau bàn và sắp đặt ____ (3) _____. Mai phụ mẹ và bà ____ (4) ____ bày các thức ăn lên bàn. Bà ngoại nấu ____ (5) ____ ngon tuyệt. Mẹ làm món cá kho tộ và món sườn ____ (6) ____ mặn. Cả nhà cùng ngồi ăn rất ngon lành.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: DAO hay GIAO

- | | |
|--------------------------------------|---|
| a- Ba em mài __(7)_____. | b- Cô giáo __(8)_____ bài làm cho em. |
| c- Em thích học ca __(9)_____. | d- Xe lửa là phương tiện __(10)_____ thông. |
| đ- Mẹ em __(11)_____ tiền nhận hàng. | e- Ba em dùng __(12)_____ cạo râu. |

Đặt câu:

dao găm - dao sắc - giao việc

III - Thêm dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ in nghiêng và đậm:

- | | |
|--------------------------------|---|
| a- Cha sinh, mẹ duong . | b- Nói một đàng, quàng một neo . |
| c- Nói như cho sua ma. | d- Sạch se là mẹ sức khoe . |
| đ- Sa cơ lơ bước. | e- Sây đàn, tan ghé. |

Đặt câu:

sạch sẽ - đã về - buổi chiều

Lưu ý quý thầy cô: Trong phần bài tập này, các em học sinh làm bài trên tờ giấy rời để nộp thầy cô chấm điểm. Phần I và II, các em chỉ cần viết số thứ tự với từ thích hợp. Các phần còn lại phải viết đầy đủ cả câu.

• **Đối thoại.**

Cứu Lụt

(Cả nhà nói chuyện trong bữa ăn.)

- **Ba:** Sáng nay lúc đang đi làm, con nghe đài phát thanh loan báo ở miền Trung nước ta đang bị lụt lớn lắm. Nhiều người bị thiệt mạng, nhiều gia đình không có nhà ở và thiếu lương thực rất thê thảm.
- **Tâm:** Không biết gia đình ông bà nội và bác Bảo có bình yên không hở ba ?
- **Ba:** Ba đoán là không có gì đáng lo ngại vì nhà của ông bà nội và bác Bảo đều ở xa vùng lũ lụt. Nhưng tối nay ba sẽ gọi điện thoại về hỏi thăm tin tức xem sao.
- **Ông Ngoại:** Các con nhớ rộng tay cứu giúp đồng bào mình ở quê nhà đang gặp hoạn nạn. Đây là cơ hội mình chứng tỏ tinh thần “Lá lành đùm lá rách”.
- **Bà Ngoại:** Ba mẹ có để dành được một ít tiền đây. Các con cho mẹ gửi chung với.
- **Tâm và Mai:** Chúng cháu cũng xin góp phần nửa tiền lì xì trong dịp Tết vừa qua.
- **Mẹ:** Thưa mẹ, con sẽ gom hết lại để sáng ngày mai gửi cho ban cứu trợ ngay, mẹ đừng lo.
- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**



Bài làm ở nhà 2

- Tập đọc - Học thuộc lòng.

Nhường Cơm Sẻ Áo

Em nhờ công mẹ, ơn cha,
Cơm no, áo ấm, cửa nhà yên vui.
Em thương chẳng trẻ **mồ côi**,
Không cha, không mẹ, không người thân yêu ?
Tấm thân **cực khổ** đủ điều,
Rét không áo mặc, sớm chiều thiếu ăn.
Thương người như thể **thương thân**,
Nhường cơm, sẻ áo **lòng nhân** mới là.

Chiêu Đăng

Giải nghĩa:

- **Sẻ áo**: Chia bớt quần áo của mình cho người khác. - **Mồ côi**: Trẻ con có cha mẹ đã chết. - **Cực khổ**: Vất vả khổ sở, không được sung sướng. - **Thương thân**: Tình thương cho chính mình. - **Lòng nhân**: Lòng thương người, đồng loại.

Đại ý:

Hãy thương yêu đồng loại như chính bản thân mình.

- Bài làm.

1- Câu hỏi.

- a) Nhờ ai, em được có cơm no áo ấm ?
- b) Mồ côi nghĩa là gì ?
- c) Trẻ mồ côi được sung sướng hay cực khổ ?
- d) Em nên làm gì để giúp đỡ chúng ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết tám (8) câu trở lên để giới thiệu về công việc làm của bố mẹ em trong những ngày nghỉ cuối tuần.

3- Chép lại và thêm dấu:

Công Ơn Cha Mẹ

Cong cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chu hiếu mới là đạo con.

Ca dao

4- Giải nghĩa, đặt câu:

nhường cơm sẻ áo - mồ côi - ngon tuyệt - dài phát thanh

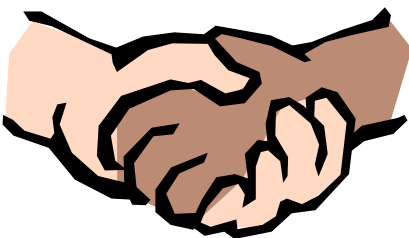
5- Tìm từ đồng nghĩa:

bố mẹ - vất vả - siêng năng

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Bữa Cơm Chiều” và “Nhường Cơm Sẻ Áo”



BÀI BA



• **Chính tả.**

Tình Gia Tộc

Người Việt Nam thường lấy gia đình làm gốc. Trên có ông bà, cha mẹ, dưới là con cháu.

Hàng ngày cha mẹ làm việc vất vả để nuôi các con. Ở nhà, anh chị em chăm chỉ học tập, giúp đỡ ông bà. Cảnh gia đình **hòa thuận** yên vui, cha mẹ quên đi nỗi nhọc nhằn.

Mối **liên hệ mật thiết** giữa các gia đình cùng một **tổ tiên** là tình gia tộc. Như có sợi dây vô hình ràng buộc những người trong dòng họ, cô, chú, bác và anh chị em họ luôn gắn bó, thương yêu nhau. Mỗi gia đình tìm đến ở quây quần với nhau. Vui cùng hưởng, buồn cùng chia sẻ. Câu tục ngữ sau đây nói lên tình thương yêu cao quý ấy:

“Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ”.

Giải nghĩa:

- **Gia tộc:** Nhiều gia đình có cùng một tổ tiên. - **Hòa thuận:** Sống chung yên vui, không cãi cọ. - **Liên hệ mật thiết:** Có quan hệ với nhau rất chặt chẽ.

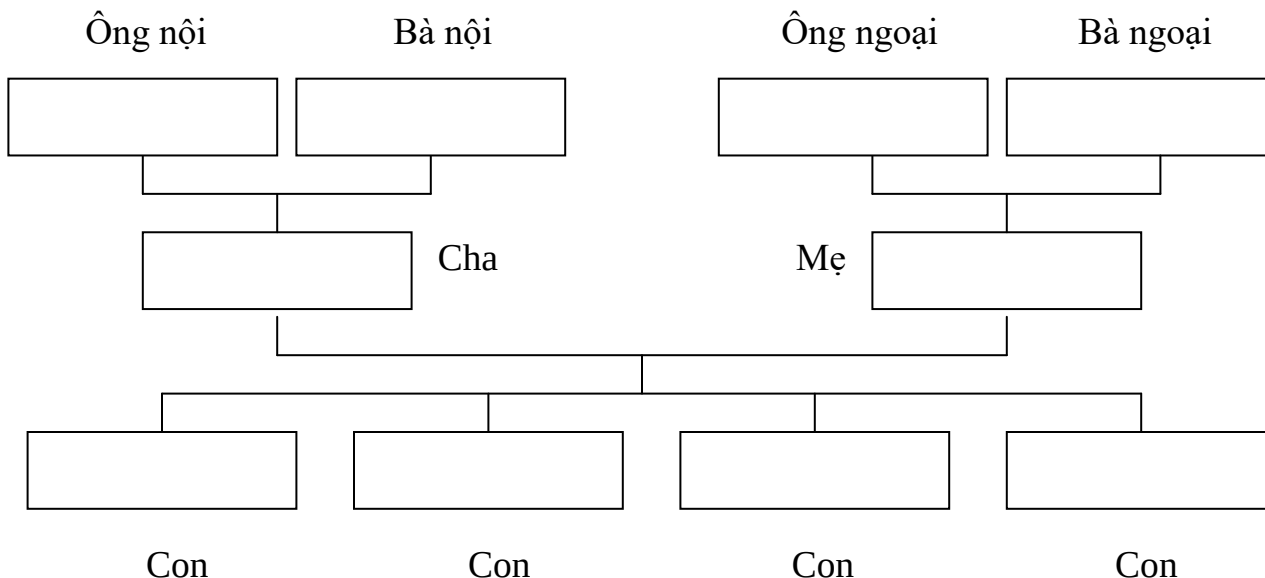
- **Tổ tiên:** Ông bà qua đời đã lâu của một dòng họ. - **Sợi dây vô hình:** Ý nói tình cảm trong gia tộc được ví như sợi dây vô hình. - **Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ:** Ý nói một người mắc nạn hoặc có chuyện buồn là cái tai nạn hay mối buồn chung cho tất cả.

Đại ý:

Người trong gia tộc thương yêu, giúp đỡ nhau.

• **Bài tập.**

- Em vẽ bảng liên hệ gia tộc của gia đình em:

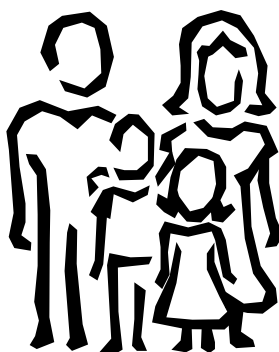


- Tìm từ trong bài “**Tình Gia Tộc**” và điền vào chỗ trống.

Người Việt Nam thường lấy ____ (1) ____ làm gốc. Trên có ông bà, cha mẹ, dưới là con cháu.

Trong gia đình, cha mẹ đi làm ____ (2) ____ để nuôi các con, hai chị em Tâm vui vẻ học tập và giúp đỡ ____ (3) ____ ngoại.

Nhiều gia đình có chung một tổ tiên hợp lại thành một ____ (4) _____. Cô, ____ (5) ____, bác và các anh chị, em họ đều là những người trong gia tộc, hay còn được gọi là người trong một họ.



- **Việt sử.**



Lý Thái Tổ

Lý Công Uẩn người làng Cổ Pháp, tỉnh Bắc Ninh. Lúc 3 tuổi được nhận làm con nuôi ông Lý Khánh Vân ở chùa Cổ Pháp. Sau lớn lên, ông vào Hoa Lư làm quan cho nhà Tiền Lê. Khi vua Lê Long Đĩnh mất đi, ông được tôn lên làm vua lấy hiệu là Lý Thái Tổ. Nhận thấy đất Hoa Lư chật hẹp không phát triển được, ông bèn cho dời đô về thành Đại La. Nhân đêm nằm mơ thấy có rồng vàng bay lên tại đây nên ông đặt tên lại là thành Thăng Long, nay là Hà Nội.

- Câu hỏi.

- 1- Lý Công Uẩn là người ở làng nào và tỉnh nào ?
- 2- Vua Lý Thái Tổ cho dời kinh đô về đâu ?
- 3- Tại sao có tên là thành Thăng Long ?
- 4- Ngày nay thành Thăng Long được gọi là gì ?

- **Câu đố.**

*Tùng trang là gấm là hoa,
Gắng công em học, mẹ cha vui lòng.*

Đó là gì ?

• **Đối thoại.**

Liên Hệ Gia Tộc

- **Ông Ngoại:** Ông đó hai cháu nhé: Ai sinh ra ba của các cháu ?
 - **Cháu Mai:** Thừa ông ngoại, ông bà nội sinh ra ba của cháu ạ.
 - **Cháu Tâm:** Còn ông bà ngoại sinh ra mẹ của chúng cháu. Có đúng vậy không bà ngoại ?
 - **Bà Ngoại:** Đúng rồi, cháu tôi giỏi quá ! Thế cháu có biết anh, chị và em của ba thì gọi là gì nào ?
 - **Cháu Tâm:** Thừa bà, anh chị của ba gọi là bác, còn em trai của ba gọi là chú và em gái của ba gọi là cô ạ.
 - **Ông Ngoại:** Đúng đây cháu. Còn Mai, cháu có biết anh, chị và em của mẹ gọi là gì không ?
 - **Cháu Mai:** Dạ thưa ông. Anh, chị của mẹ cũng gọi là bác, còn em trai của mẹ thì gọi là cậu và em gái của mẹ thì gọi là dì.
 - **Bà Ngoại:** Cháu tôi giỏi quá ! Thế ai đã dạy cho hai cháu vậy ?
 - **Tâm và Mai:** Thừa ông bà, thầy cô giáo trường Văn Lang đã dạy chúng cháu đó ạ.
 - **Ông Bà Ngoại:** Hay quá ! Hai cháu phải nhớ mà cảm ơn nhà trường và thầy cô đó nghe !
- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**



Bài làm ở nhà 3

- **Tập đọc.**

Thăm Họ Hàng

Nhân dịp nghỉ hè, Ba mẹ Tâm dẫn hai chị em Tâm đi thăm **họ hàng**.

Trước hết, Mai và Tâm đến chào bà con bên ngoại ở thành phố Milpitas. Dì Kim cho Mai con búp bê mặc quần áo màu hồng rất xinh đẹp, còn cậu Hoàng thì cho Tâm chiếc xe đạp mới tinh.

Vài ngày sau, cả gia đình ra **phi trường** San Francisco để về Việt Nam thăm ông bà nội. Gặp các người thân trong họ, Mai và Tâm chào hỏi thật lễ phép. Thấy các cháu ngoan ngoãn và nói tiếng Việt **trôi chảy**, ai nấy đều mến yêu. Ông bà nội sung sướng ghì cháu vào lòng. Các bác, chú, cô và anh chị em họ chuyện trò ríu rít với gia đình Tâm cả đêm không dứt.

Lần đầu tiên, Mai và Tâm có được những ngày nghỉ hè thích thú.

Giải nghĩa:

- **Họ hàng:** Người trong cùng một họ. - **Phi trường:** Nơi máy bay lên và xuống.

- **Trôi chảy:** Tron tru, lưu loát, không vấp vấp.

Đại ý:

Cả gia đình Tâm đi thăm họ ngoại ở Milpitas và họ nội ở Việt Nam.

- **Bài làm.**

1- Câu hỏi.

- a) Ba mẹ dẫn hai chị em Tâm và Mai đi đâu ?
- b) Họ hàng bên ngoại của em hiện nay ở thành phố, quốc gia nào ?
- c) Gia đình Tâm đi đâu để thăm họ bên nội ?
- d) Họ nội gồm những ai ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết một đoạn văn gồm 100 từ trở lên để giới thiệu với bạn những thành phần trong họ hàng bên nội hoặc bên ngoại của em.

3- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

Phải Kiên Nhẫn

Con kiên nho, tô kiên to, thê ma kiên tha môi lau ngay cung đây tô.
 Luc mới vào học, em chưa biết đọc, biết viết. Nhờ cô gang học tập, chỉ sau vài
 khoa học liên tiếp, em đã biết đọc và viết được tiếng Việt.
 Vậy làm gì cung cần cô kiên nhẫn mới nên việc.

Chúng Em Cùng Học - Cấp 4
 TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

gia tộc - ông bà nội - bác - mẹ - thím - dượng

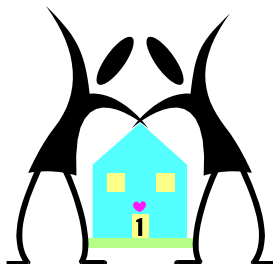
5- Tìm tiếng phản nghĩa:

trên - lớn - xinh đẹp - hòa thuận - quên - ngoan ngoãn

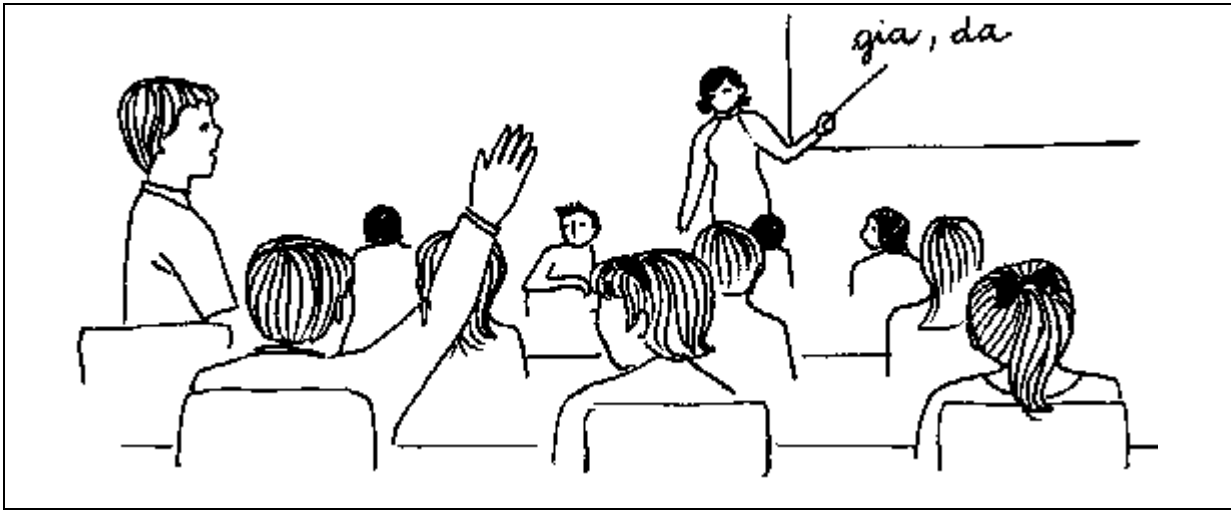
• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Tình Gia Tộc” và “Thăm Họ Hàng”



BÀI BỐN



- **Chính tả.**

Lớp Em

Khóa này em được lên lớp ở Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang. Lớp em có hai mươi một học sinh.

Chúng em học thoải mái trong một căn phòng rộng rãi, sáng sủa và đầy đủ **tiện nghi**. Cô giáo dạy viết chính tả, văn phạm, tập đối thoại và tập đọc. Em rất thích phần văn phạm, vì phần này giúp em **phân biệt** tiếng có lỗi **phát âm** gần giống nhau, nhưng cách viết và nghĩa của nó thì khác hẳn.

Thí dụ như hai từ “**da**” và “**gia**” trong hai câu sau đây:

Da cóc xù xì.

Gia đình hòa thuận.

Còn Liên và một số bạn khác thì lại thích phần đối thoại. Phần này giúp chúng em nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt dễ dàng hơn.

Giải nghĩa:

- **Tiện nghi:** Dễ dàng tiện lợi. - **Phân biệt:** Chia cách ra để không lẫn lộn.

- **Phát âm:** Nói lên thành tiếng nghe được.

Đại ý:

Em vui thích được học cấp 8 tại Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.

• Bài tập.

I- Chọn từ trong bài “Lớp Em” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em học lớp tám ở Trung Tâm ____ (1) ____ Văn Lang. Tổng số học sinh ở lớp em là ____ (2) ____ người. Em sung sướng được học trong một ____ (3) ____ đầy đủ tiện nghi. Cô giáo dạy chúng em viết chính tả, văn phạm và ____ (4) _____. Ngoài ra cô cũng dạy về cách phân biệt các tiếng có lỗi phát âm gần giống nhau nhưng cách viết và ____ (5) ____ của nó thì khác nhau. Liên thích phân đôi thoại vì phần này giúp chúng em nói ____ (6) ____ dễ dàng hơn.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: MAI hay MAY

a- Nhà em có cây _(7)_

b- Mẹ dạy Mai _(8)_ áo.

c- Ngày _(9)_ là thứ bảy.

d- Tâm _(10)_ mẫn thi đậu.

đ- Gió heo _(11)_ rất lạnh.

e- Bố dùng cái _(12)_ đào đất.

Đặt câu:

ngày mai - thợ may - may mắn

III - Thêm dấu mũ (^) hoặc dấu á (ˇ) trên các từ in nghiêng:

a- Sóng bạc *đầu*.

b- *Nặng* bông, nhẹ *téch*.

c- *Rang* cần phải lười.

d- Nước chảy *chỗ* trũng.

đ- Giận quá mất *khon*.

e- Tôi như *đem*, dày như đất.

Đặt câu:

ngày rằm - chăm học - mây bay



- **Địa lí.**

Ngư Nghiệp Việt Nam

Việt Nam có trên 2.500 cây số (km) bờ biển và những hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt nên các hoạt động về ngư nghiệp rất quan trọng. **Ngư sản** là nguồn thực phẩm chính cung cấp chất đạm (protein) cho người Việt.

Biển Việt Nam có những giòng **hải lưu** chứa nhiều sinh vật nhỏ, rong, rêu, nên hấp dẫn nhiều loại **hải sản** như cá thu, cá mè, cá cơm, cá nục, cá chim, cá bạc, cá mực, cá nhám, tôm càng, tôm thẻ, sò huyết, cua biển . . .

Những vùng nổi tiếng về hoạt động **hải ngư nghiệp** là Móng Cái, Kiến An, Nghệ Tĩnh, Nha Trang, Phan Thiết, Vũng Tàu, Kiên Giang và Phú Quốc.

(xem tiếp trang 52)

Giải nghĩa:

- **Ngư nghiệp:** Nghề đánh cá và nuôi cá. - **Ngư sản:** Sản phẩm từ cá mà ra.

- **Hải lưu:** Dòng nước chảy ngoài biển. - **Hải sản:** Sản phẩm từ biển mà ra.

- **Hải ngư nghiệp:** Nghề nuôi và đánh cá biển.

- Câu hỏi:

- 1- Bờ biển Việt Nam dài bao nhiêu cây số ?
- 2- Ngư nghiệp là gì ? Ngư sản ? Lâm sản ? Hải sản ? Ngư phủ ?
- 3- Các loại hải sản ở Việt Nam gồm có những gì ?
- 4- Kể tên ba vùng ngư nghiệp quan trọng ở 3 miền Bắc Trung Nam Việt Nam ?

- **Câu đố.**

*Cây gì chẳng có lá cành,
Lõi đen trắng tấp, vỏ xanh, đỏ, vàng.
Theo em thân thiết đến tràng,
Giúp em học tập vẽ vang sau này.*

Đó là cái gì ?

• **Đối thoại.**

Trong Giờ Chơi

- **Mai:** *Liên ơi ! Chúng mình đi tìm thử Tâm đã ra chơi chưa?*
 - **Liên:** *Ừ ! Mình hãy đi vòng ra trước sân, thế nào cũng gặp.*
 - **Mai:** *Tâm ơi ! Hai chị khát nước quá! Em hãy đi với chị ra đây mua nước uống.*
 - **Tâm:** *Em thích một lon Coca Cola lạnh. Hai chị thích uống gì ?*
 - **Liên:** *Liên chỉ thích một chai nước suối mà thôi.*
 - **Mai:** *Chị cũng vậy.*
 - **Liên:** *Đây, chị gởi tiền cho Tâm vào sắp hàng mua cho hai chị luôn thế.*
 - **Tâm:** *Dạ, chị Liên bao cho em luôn nhé !*
 - **Liên:** *Ừ ! Dĩ nhiên rồi.*
 - **Mai:** *Em chỉ cần mua cho hai chị một chai nước suối và xin thêm một cái ly giấy là đủ. Chị đã có sẵn một bịch đậu phộng rang rồi, chúng mình sẽ chia nhau.*
 - **Tâm:** *Thật là tuyệt ! Em đi mua ngay đây kẻo hết giờ chơi. Mình không được mang đồ ăn, thức uống vào trong lớp đó.*
- *Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.*



Bài làm ở nhà 4

- **Kể chuyện.**

Phượng Hoàng và Cây Khế

Ngày xưa có hai anh em, khi cha chết người anh tham lam chiếm hết ruộng vườn, nhà cửa. Người em chỉ được cây khế với một túp lều.

Đến mùa trái chín, ngày nào cũng có một con **Phượng Hoàng** bay đến ăn khế. Người em ngồi khóc lóc, thì Phượng Hoàng bảo rằng:

“Ăn trái khế, trả ngàn vàng,

May túi ba gang, mang đi mà đựng”.

Rồi chim công chàng đem đến một hòn đảo kia có đầy vàng bạc, người em nhặt đầy túi đem về xây nhà, tậu ruộng.

Người anh thấy vậy, đòi tất cả **sản nghiệp** cho em để lấy cây khế. Vốn tính tham lam, vợ chồng bàn nhau may chiếc túi dài, rộng tới mười gang để chim phượng hoàng chở người anh đi lấy vàng.

Ai ngờ lúc về, bay ngang biển, vàng nặng quá khiến Phượng Hoàng **chao cánh** một bên. Người anh ngã rớt xuống biển và chết.

Tài liệu Bộ Q.G.G.D.

Giải nghĩa:

- **Phượng Hoàng:** Một loài chim lớn. - **Tậu:** Mua. - **Sản nghiệp:** Của cải, tài sản. - **Chao cánh:** Nghiêng cánh về một bên.

Đại ý:

Tham lam thì hại đến thân.

- **Bài làm.**

1- Câu hỏi.

- a) Khi cha chết, người anh tham lam như thế nào ?
- b) Đến mùa trái chín, chim Phượng Hoàng đến làm gì ?
- c) Phượng Hoàng nói gì với người em ?
- d) Vì sao người anh bị chết dưới biển ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết một đoạn văn 100 từ trở lên để giới thiệu và kể ra những tính tốt của bạn em trong lớp học Việt Ngữ.

3- Chép lại và thêm dấu:

Chọn Bạn Mà Chơi

Thoi thương gân mưc thi đen
Anh em ban huu phai nen chon nguoi.
Nhưng nguoi leu long chơi boi,
Cung la luoi bieng, ta thoi tranh xa.

Ca dao

4- Giải nghĩa, đặt câu:

Việt ngữ - học sinh - chính tả - hòa thuận - ba gang

5- Tìm tiếng đồng nghĩa:

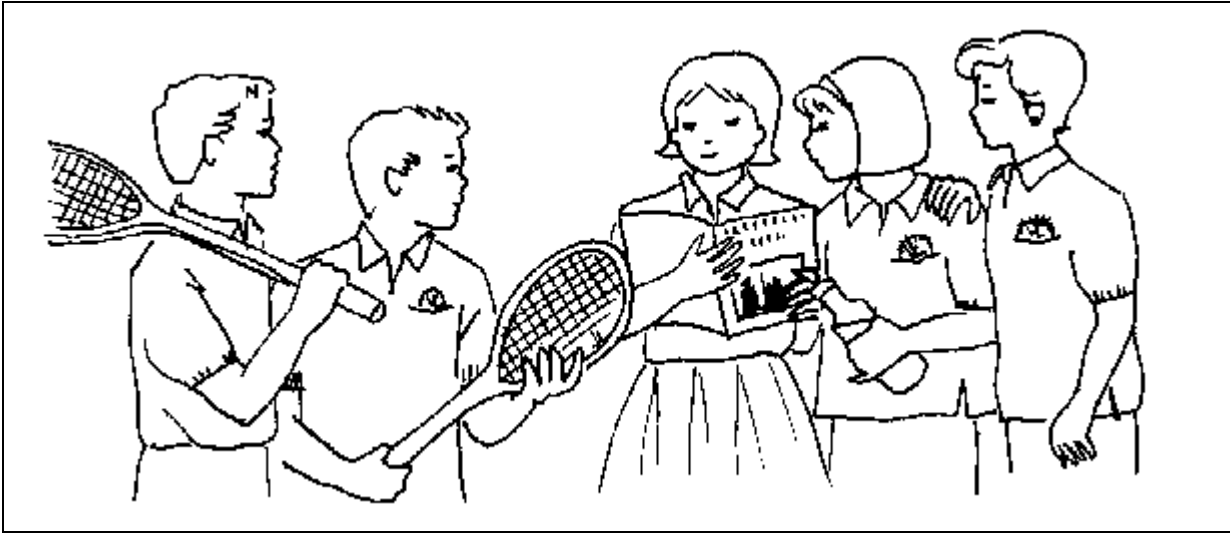
học đường - học trò - mèo mun - cha mẹ - dễ dàng

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Lớp Em” và “Phượng Hoàng và Cây Khế”

BÀI NĂM



• Chính tả.

Các Bạn Em

Phần lớn các bạn học trong lớp em đều đã quen nhau từ nhiều khóa trước. Liên, Cúc, Hoàng, Trâm đã cùng với em **tranh tài** trong đội thi đồ vui để học vào “Ngày Văn Lang” trong những năm trước. Khoát và Thạch là hai tay **quần vợt** giỏi nhất lớp. . .

Trong lớp cũng có vài bạn vừa mới theo gia đình đến nước Mỹ này như Trang và Thuận. Đây là hai học sinh giỏi trong lớp. Các bài luận văn của hai chị được cô giáo khen và đọc cho cả lớp cùng nghe. Ngoài ra, lớp em còn có một số bạn ở lại lớp từ khóa trước. Chúng em thân mến nhau và quý thời giờ để cùng nhau **trau dồi** tiếng mẹ đẻ.

Giải nghĩa:

- **Tranh tài:** Thi đua để lấy giải thưởng. - **Quần vợt:** Môn thể thao dùng vợt đánh banh qua lưới (Tennis). - **Trau dồi:** Học tập, tu luyện.

Đại ý:

Các bạn trong lớp em.

• Phân biệt tiếng.

Chải

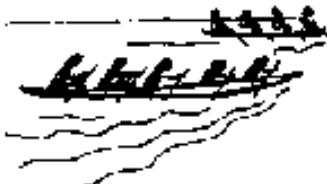
Chải tóc - Chải ngược
Chải chuốt - Bàn chải

Trải

Trải khăn - Trải qua
Đua trải - Trồng trải

- Ứng dụng:

Hãy điền từ vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

1  Tâm _____.	2  Mẹ _____ bàn.	3  _____ đánh răng
4  Một cuộc _____	5  Chị Mai _____.	6  Nhà lá _____

Giải nghĩa:

- **Chải chuốt:** Tô điểm kỹ để làm đẹp. - **Trải qua:** Đã từng biết qua, từng sống qua. - **Chiếc trải:** Chiếc thuyền dài và hẹp dùng để đua.

• **Bài tập.**

I - Chọn từ trong bài “Các Bạn Em” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em quen các bạn trong lớp từ ____ (1) ____ trước. Chúng em cùng ở trong đội thi đồ vui để học. Khoát và Thạch giỏi về môn ____ (2) ____ . Trang và Thuận vừa cùng ____ (3) ____ sang nước Mỹ được sáu tháng. Cô giáo khen hai bạn này học ____ (4) ____ . Chúng em từ các miền khác nhau của nước Việt Nam tụ họp về đây. Chúng em ____ (5) ____ và quý thời giờ để cùng nhau ____ (6) ____ tiếng mẹ.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: CHAI hay TRAI

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| a- Bàn chân bị __(7)__ cứng. | b- __(8)__ hay gái đều là người. |
| c- Trên bàn có __(9)__ nước ngọt. | d- Con __(10)__ sống dưới biển. |
| đ- Mặt __(11)__ mây đá. | e- Chú Sơn còn __(12)__ trẻ. |

Đặt câu:

chai nước - con trai - bàn tay chai

III - Thêm dấu mũ (^) hoặc dấu á (◡) trên các từ in nghiêng và đậm:

- | | |
|---|---|
| a- Ăn <i>vật</i> quen mồm. | b- Đẹp vàng son, ngon <i>mật</i> mỡ. |
| c- <i>Gàn</i> nhà, xa ngõ. | d- Cháu bà nội, <i>tội</i> bà ngoại. |
| đ- Em <i>khon</i> cũng là em chị,
Chị đại cũng là chị em. | e- Mực đen, giấy <i>tráng</i> . |

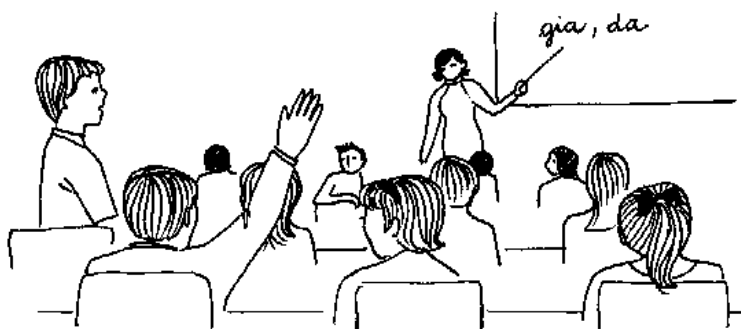
Đặt câu:

mật ong - người khôn - tuyết trắng

• Đối thoại.

Nhớ Trường Cũ

- **Mai:** *Chị Trang ơi ! Em nghe nói gia đình chị mới ở Việt Nam qua Mỹ phải không ?*
- **Trang:** *Phải, Trang mới sang đây với ba má được sáu tháng.*
- **Liên:** *Ở bên Việt Nam chị học lớp mấy vậy ?*
- **Trang:** *Ở Việt Nam, Trang đang học lớp năm trường tiểu học Phú Lâm.*
- **Cúc:** *Thảo nào, em nghe chị đọc tiếng Việt nhanh như gió. Nhưng sao chị còn phải đi học nữa vậy ?*
- **Trang:** *Tại ba má sợ Trang quên hết, nên bảo Trang phải tiếp tục học đó.*
- **Mai:** *Chị Trang có thể cho bọn em biết một ít về ngôi trường của chị ở Việt Nam không ?*
- **Trang:** *Ngôi trường Trang học ở Việt Nam thì nhỏ bé và đơn sơ hơn trường ở đây rất nhiều. Trang nhớ trường cũ nhiều lắm. Vì nơi đó Trang có nhiều bạn bè quen thân từ bé.*
- **Liên:** *Thôi đừng buồn nữa chị Trang ơi ! Tất cả chúng ta ở đây sẽ là bạn bè thân thiết. Bây giờ mình hãy gắng học, sau này thành tài trở về thăm lại trường cũ, bạn bè xưa và giúp đỡ quê hương mình.*
- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**



Bài làm ở nhà 5

- **Tập đọc.**

Hội Phụ Huynh Học Sinh

Mai đem thư của thầy **trung tâm trưởng** về trao cho ba. Ông Hiền mở phong bì, lấy thư ra đọc. Rồi ông bỏ thư vào túi. Mai hỏi:

- Thưa ba, thầy trung tâm trưởng viết gì vậy ?

Ông Hiền đáp:

- Ba **tham gia** vào Hội Phụ Huynh Học Sinh của trường. Thầy trung tâm trưởng mời ba đến để bàn về “Ngày Văn Lang”.

- Hội Phụ Huynh Học Sinh là hội gì, hờ ba ?

- Đó là một hội của cha mẹ hay anh chị học sinh chung lo với nhà trường trong việc săn sóc các con.

- Đúng rồi ba ơi ! Trên chiếc bàn bày bán áo **đồng phục** cho học sinh, con thấy tấm bảng “Hội Phụ Huynh Học Sinh Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang”.

Giải nghĩa:

- **Trung tâm trưởng:** Người chịu trách nhiệm về việc dạy dỗ, kỉ luật ... toàn trường. -

Tham gia: Góp phần của mình vào một hoạt động chung.

- **Đồng phục:** Quần áo giống nhau, cùng màu, cùng kiểu.

Đại ý:

Ông Hiền, ba của Mai tham gia vào Hội Phụ Huynh Học Sinh Văn Lang

- **Bài làm.**

1- Câu hỏi.

- a) Mai đưa thư của ai cho ba ?
- b) Trong thư đó viết những gì ?
- c) Cha của Mai có tham gia vào Hội Phụ Huynh Học Sinh không ?
- d) Hội Phụ Huynh Học Sinh là hội gì ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết bốn (4) dòng trở lên để giới thiệu về lớp học của em.

3- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

Kính Trọng Thầy Cô

.....Trai qua nhưng nam thang ren luyen, cac em moi biet doc, biet viet. Hoc sinh con duoc day le phep va thuong yeu moi nguoi.

Co doi luc, mot vai em vo tinh hay co y khong vang loi, thay co van khoan dung, triu men nhu con em trong gia dinh.

Vay, cac em hoc sinh phai kinh trong thay co nhu ton kinh cha me minh.

Chúng Em Cùng Học - Cấp 5
TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

giỏi - khen - phụ huynh - trường tiểu học - trường trung học

5- Tìm tiếng phản nghĩa:

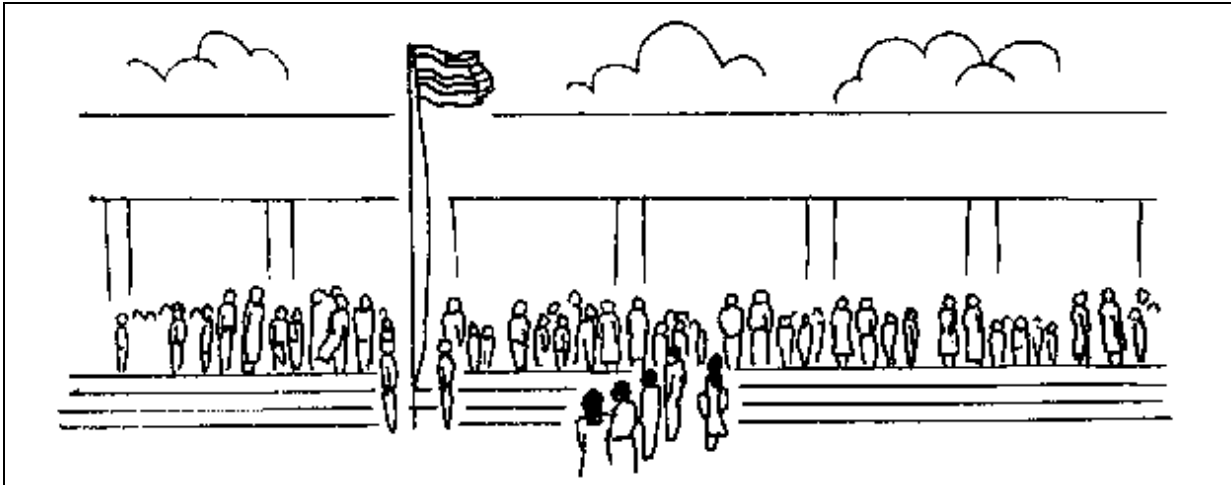
buồn bã - nhớ - dài - khen - rộng rãi - sáng sủa - tiện nghi

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Các Bạn Em” và “Hội Phụ Huynh Học Sinh”

BÀI SÁU



• Chính tả.

Lễ Chào Cờ

Mỗi buổi học đầu tiên trong tháng, trường Văn Lang có lễ chào cờ. Thầy cô giáo và học sinh đều ăn mặc chỉnh tề. Các cô giáo mặc áo dài trông rất trang trọng và đẹp đẽ.

Đúng chín giờ, một hồi chuông reo vang. Thầy cô **hướng dẫn** chúng em sắp hàng ngay ngắn theo thứ tự cấp lớp. Sân trường im **phăng phắc**. Mọi người đứng nghiêm hướng về cột cờ.

Lệnh chào cờ vang lên. Hai lá cờ Mỹ và Việt Nam được kéo từ từ lên cao, **phất phới** bay trong gió. Chúng em cùng hát bài **quốc ca**. Sau đó là một phút **mặc niệm** để tưởng nhớ đến những người đã bỏ mình vì đất nước và **chính nghĩa** tự do.

Lễ chào cờ gợi lên trong tâm hồn em một cảm giác băng khuâng, như hồn thiêng sông núi **phăng phắt** đâu đây trong giờ phút trang nghiêm này.

Giải nghĩa:

- **Hướng dẫn:** Chỉ bảo, giúp cho biết cách thức. - **Phăng phắc:** Lặng im không có tiếng động. - **Phất phới:** Bay lật qua lật lại. - **Quốc ca:** Bài hát chính thức của một nước dùng trong các buổi lễ. - **Mặc niệm:** Nghiêm trang để tưởng nhớ người đã mất. - **Chính nghĩa:** Lễ phải chính đáng. - **Phăng phắt:** Lờ mờ, không rõ ràng.

Đại ý:

Quang cảnh buổi lễ chào cờ đầu tháng trong trường Văn Lang.

• Phân biệt tiếng.

Chuyện

Chuyện trò - Nói chuyện
Kể chuyện - Chuyện gẫu

Truyện

Truyện phim - Truyện cổ tích
Truyện dài - Truyện vui

Ứng dụng.

Hãy điền từ vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

1  Tam đang _____ _____ với Mai.	2  Mai có một _____ _____ hay.	3  Bà _____ cô tích cho cháu nghe.
4  Quyển _____ hàng ngàn trang.	5  Ba thích _____ _____ vui.	6  _____ cười bể bụng.

Giải nghĩa:

- **Chuyện:** Việc kể ra bằng lời nói, ngôn từ.
- **Truyện:** Việc kể ra bằng chữ viết, được ghi lại trên giấy.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Lễ Chào Cờ” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ở trường em, vào mỗi chủ nhật đầu ____ (1) ____ có lễ chào cờ. Thầy cô ăn mặc chỉnh tề. Các cô giáo mặc ____ (2) ____ trông trang trọng và đẹp đẽ. Lúc chín giờ, một hồi chuông reo vang. Học sinh sắp hàng ngay ngắn theo thứ tự ____ (3) _____. Sân trường im phăng phắc. Em đứng nghiêm hướng nhìn về cột cờ. Khi có lệnh chào cờ, hai ____ (4) ____ được kéo từ từ lên cao. Chúng em hát vang bài ____ (5) _____. Phút mặc niệm những người đã bỏ mình vì đất nước và chính nghĩa tự do tiếp theo sau đó. Em phải giữ im lặng trong giây phút ____ (6) ____ này để nhớ đến những người đã khuất.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: CHUYỀN hay TRUYỀN

- | | |
|------------------------------------|------------------------------------|
| a- Đội bóng __(7)__ đang tập dượt. | b- Em xem vô tuyến __(8)__ hình. |
| c- Bé đeo sợi dây __(9)__ đẹp. | d- Cúm là một bệnh __(10)__ nhiễm. |
| đ- Vua cha __(11)__ ngôi cho con. | e- Chim non __(12)__ cành. |

Đặt câu:

truyền hình - chuyền tay - truyền thanh

III - Thêm dấu hỏi (?) hoặc dấu ngã (~) các từ in nghiêng:

- | | |
|--|--|
| a- Dấu đầu <i>hơ</i> đuôi. | b- Cả sóng <i>nga</i> tay chèo. |
| c- Giấy rách <i>giur</i> lấy lè. | d- Cây muốn lặng, gió <i>chăng</i> dùng. |
| đ- Khi giàu <i>chăng</i> có <i>đơ</i> ai,
Đến khi hoạn nạn, <i>chăng</i> ai <i>đơ</i> mình. | e- Ai ơi! <i>Giur</i> chí cho bền,
Dù ai xoay hướng, <i>đôi</i> nên mặc ai. |

Đặt câu:

chó dữ - giúp đỡ - thay đổi

• Đối thoại.

Quốc Kì và Quốc Thiệu

- **Mai:** Thưa cô, quốc kì khác với quốc ca thế nào ?
 - **Cô giáo:** Quốc kì là lá cờ của một nước. Còn quốc ca là bài hát chính thức của một nước dùng trong khi chào cờ.
 - **Tâm:** Như vậy từ kì chính là cờ phải không ? Thưa cô.
 - **Cô giáo:** Đúng vậy, kì là từ Hán đã được người Việt dùng từ xưa nên gọi là từ Hán Việt. Còn cờ là từ Việt.
 - **Cúc:** Thưa cô còn quốc thiệu là gì ? Xin cô giải nghĩa cho chúng em nghe.
 - **Cô giáo:** Quốc thiệu chính là nhạc của bài quốc ca đó em ạ. Quốc thiệu cũng là một từ Hán Việt.
 - **Liên:** Thưa cô, trong bài quốc ca Việt Nam có câu:
“ Này công dân ơi ! Đứng lên đáp lời sông núi ” .
Vậy, lời sông núi nghĩa là gì ? Thưa cô.
 - **Cô Giáo:** Lời sông núi ý nói lời kêu gọi mọi người công dân hãy cùng bảo vệ và xây dựng đất nước mình.
- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**

• Câu đố.

Hai ta tên thật giống nhau,
Bạn bay trong gió, ngấm bầu trời xanh.
Tôi thời quanh quẩn giữa bàn,
Giúp người giải trí, luyện rèn thông minh.

Đố là cái gì ?



Bài làm ở nhà 6

• Tập đọc.

Chúng Em Học Tiếng Việt

Một hôm, Mai và Tâm đến hỏi ông bà:

- Chúng cháu ở Mỹ học tiếng Việt để làm gì, thưa ngoại ?

- Để ngoại nói hai cháu nghe nhé. Người Nhật, Người Tàu hay người Do Thái ... đến đây **lập nghiệp** hoặc **tị nạn** như ông cháu mình. Họ vẫn gìn giữ tiếng nước họ. Nhờ vậy những điều hay, vẻ đẹp của mỗi dân tộc được **phổ biến** trên đất nước này.

Việc học tiếng Việt giúp các cháu hiểu được **tinh hoa** của tổ tiên ta qua câu hò, điệu hát ca dao, tục ngữ trải hơn bốn ngàn năm lịch sử. Hai cháu còn biết cư xử với mọi người theo **phong tục, tập quán** tốt mà cha ông đã kinh nghiệm qua nhiều thế hệ.

Các cháu học sinh Việt Nam ở đây rất chăm học, có lẽ độ khiến thầy cô, bạn bè khắp nơi cảm phục. Đó là nhờ cha mẹ noi theo **truyền thống văn hóa** của tổ tiên mà dạy bảo các cháu đấy.

Giải nghĩa:

- **Lập nghiệp:** Gây dựng cơ nghiệp. - **Tị nạn:** Lánh đi đến nơi khác để tránh khỏi bị đe dọa hoặc nguy hiểm tánh mạng do kẻ cầm quyền gây ra. - **Phổ biến:** Lan rộng ra. -

Tinh hoa: Phần cao quý tốt đẹp nhất.

- **Phong tục:** Lễ lối xưa. - **Tập quán:**

Thói quen đã có từ lâu đời.

- **Truyền thống văn hóa:** Giá trị vật chất và tinh thần của một quốc gia văn minh lưu truyền từ xưa đến nay.

Đại ý:

Chúng em học tiếng Việt để gìn giữ giá trị tốt đẹp và cao quý của tổ tiên đã dày công gây dựng.

• Bài làm.

1- Câu hỏi.

- Mai và Tâm hỏi ông bà điều gì ?
- Vì sao người Việt tị nạn đến sinh sống ở các nước trên thế giới ?
- Để tìm hiểu những điều cao quý và tốt đẹp của tổ tiên, em phải làm gì ?
- Tại sao thầy cô và bạn bè mến phục học sinh Việt Nam ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết một đoạn văn 120 từ trở lên để nói về buổi lễ chào cờ đầu tháng ở trường Văn Lang.

3- Chép lại và thêm dấu:

Buổi Tối Ở Quê

Ở quê khi trời tối,
Tôi ngồi chơi trên đồi.
Hiu hiu lan gió thổi,
Đe kêu ran khắp lối.
Đom đom bay lập loe,
Xa xa nghe cho sưa.

Chúng Em Cùng Học - Cấp 3
TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

quốc kì - phổ biến - quốc ca - từ Hán Việt - mặc niệm

5- Tìm tiếng đồng nghĩa:

học sinh - xe lửa - bé xíu - đầu tiên

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Lễ Chào Cờ” và “Chúng Em Học Việt Ngữ”



BÀI BẢY

Bài thi mẫu giữa khóa

Thầy cô dùng bài ôn thi mẫu này để soạn đề thi mà học sinh đã học trong những tuần lễ vừa qua.

1. Chính tả.

- Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho học sinh ôn thi.
- Tìm đại ý bài chính tả.

2. Điền vào chỗ trống với sáu hoặc bảy từ như:

**học sinh - trung tâm trưởng - phụ huynh
anh chị - cha mẹ - quần áo**

Mai đem thư của thầy ____ (1) ____ về trao cho ba. Ông Hiền xé phong bì, mở thư ra đọc. Đọc xong, ông bỏ thư vào túi. Mai hỏi ba:

- Thưa ba, thầy trung tâm trưởng viết gì vậy ?

Ông Hiền đáp:

- Ba tham gia hội ____ (2) ____ học sinh. Thầy mời ba đến để bàn về “Ngày Văn Lang”.

Mai thưa:

- Hội phụ huynh ____ (3) ____ là hội gì hả ba ?

Ông Hiền bảo:

- Là hội do ____ (4) ____ hay ____ (5) ____ của học sinh thành lập để phụ giúp nhà trường săn sóc các con.

Mai vui vẻ nói:

- Đúng rồi ba ơi! Trên chiếc bàn bày bán ____ (6) ____ đồng phục, con thấy tám bảng đề “Hội Phụ Huynh Học Sinh Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang” .

3. Chép lại và thêm dấu bài học thuộc lòng hay một đoạn văn như:

Nhường Cơm Sẻ Áo

Em nhỏ con me, on cha,
 Com no ao am, cua nha yen vui.
 Em thương chàng tre mo coi,
 Không cha, không me, không người thân yêu.
 Tam thân cực khó du diêu,
 Ret không ao mac, som chiều thiếu an.
 Thương người như thế thương thân,
 Nhường cơm, sẻ áo, lòng nhân mọi la.

Chiêu Đăng

4. Tìm tiếng phản nghĩa, đặt câu như:

ngày - nhớ - vất vả

5. Phân biệt tiếng như:

da – gia dao – giao mai – may chai – trai

6. Đặt câu với các cặp từ nối:

vì ... nên nếu ... thì tuy ... nhưng không những ... mà còn
 càng ... càng dù ... nhưng

7. Sử kí.

- Soạn câu hỏi cho học sinh trả lời.

8. Địa lí.

- Soạn câu hỏi cho học sinh trả lời.

9. Tập làm văn.

- Chọn một trong những đề tài sau:

- Giới thiệu và kể những công việc làm mà ông bà nội hay ông bà ngoại của em ưa thích.
- Em học tiếng Việt để làm gì?
- Tả quang cảnh buổi lễ chào tại Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.

10. Viết ca dao, tục ngữ, thành ngữ.



BÀI TÁM



• Chính tả.

Đi Chợ

Hôm nay là ngày thứ bảy, Mai và Tâm theo mẹ đi chợ.

Cuối tuần, chợ rất đông khách hàng. Vào trong chợ, Tâm giúp mẹ đẩy chiếc xe chở đồ. Mai cùng mẹ chọn lựa các thứ cần mua. Trên các kệ dọc theo các quầy hàng đầy ắp những món hàng cần thiết, giá cả đều được ghi sẵn. Đầu tiên, mẹ ghé vào hàng thịt để mua thịt bò, thịt heo và thịt gà. Mai thì đi đến các quầy rau trái. Đây là chợ **thực phẩm** Á Đông nên có đầy đủ các loại rau quả như: rau muống, rau ngò, tía tô, rau quế, rau cần và các loại quả (trái) như: quả mướp, đu đủ, cà pháo, quả bầu, quả bí. . . .

Trước khi ra về, mẹ cũng không quên chọn mấy con cá thu tươi cho ông bà ngoại và vài con cua còn sống để mẹ làm món cua rang muối mà ba và Tâm rất thích.

Giải nghĩa:

- **Thực phẩm:** Đồ ăn, thức uống.

Đại ý:

Ngày thứ bảy, Mai và Tâm cùng mẹ đi chợ mua thức ăn.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Đi Chợ” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em và Tâm theo mẹ đi chợ hôm thứ bảy. Hôm đó chợ rất đông ____ (1) ____ .
 Em giúp mẹ đẩy ____ (2) ____ nhỏ đi dọc theo các quầy. Mẹ mua thịt heo, thịt gà, ____ (3) ____ . Sau đó mẹ mua cua vì giá hạ và tươi. Mẹ cũng mua cá thu ____ (4) ____ để làm chả cá. ____ (5) ____ ngoại rất thích món này. Đây là chợ ____ (6) ____ Á Đông nên có đầy đủ các loại ____ (7) ____ như ngò, tía tô, rau tần, mướp, đu đủ, cà pháo, quả bầu, quả bí. . . .
 Mẹ bảo mua thức ăn tươi hơn là đồ hộp.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: RAU , RÂU hay RAO.

- a- Em thích ăn __(8)__ muống luộc.
- b- Ba em dùng dao cạo __(9)__.
- c- Mẹ em hay xem báo ở trang _ 10)_ vật.
- d- Con mèo có __(11)__ dài.
- đ- Trong chợ có __(12)__ cải xanh tươi.

Đặt câu:

rau tía tô - râu quai nón - rao vặt

III - Thêm dấu hỏi (?) hoặc ngã (~) trên các từ in nghiêng sau đây:

- a- *Mơ* *đê* miệng mèo. b- *Cua* một đồng, công một nén.
- c- Ăn *cua* ngon, mặc *cua* tốt. d- Nước *la* quấy nên hồ.
- đ- *Cong* rắn cắn gà nhà. e- Một con ngựa đau, *ca* tàu không ăn *co*.

Đặt câu:

thịt mỡ - của cải - vôi vữa

- **Việt sử.**

Lý Thường Kiệt

Lý Thường Kiệt là một danh tướng đời nhà Lý. Năm 1075, nghe tin nhà Tống (bên Tàu) sửa soạn binh lương để đánh nước ta, lúc đó vua Lý Nhân Tông còn bé (mới 10 tuổi), Lý Thường Kiệt đã họp quần thần cùng quyết lòng đánh giặc. Ông cùng tướng Tôn Đản chia binh ra làm hai ngả mang quân sang đánh nước Tàu. Lý Thường Kiệt đem quân đánh Quảng Châu, Tôn Đản đem quân đánh Quảng Tây. Sau khi đánh thắng, ông cho lệnh rút quân về nước phòng thủ. Năm 1076, quân Tàu sang đánh báo thù. Đánh nhau rất lâu, sợ quân sĩ ngã lòng ông đặt bài thơ bằng chữ Hán:

**“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tuyệt nhiên định phận tại Thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”**

được dịch ra như sau:

***“Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Đã ghi rõ ràng trong sách Trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm lấn,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.”***

Quân ta nghe được 4 câu thơ lấy làm phấn khởi, liều chết đánh giặc. Quân Tàu đánh mãi không được đành phải rút quân về.

(xem tiếp trang 70)

- Câu hỏi.

- 1- Lý Thường Kiệt là ai ?
- 2- Tại sao Lý Thường Kiệt đem quân sang đánh nhà Tống ?
- 3- Viết lại bài thơ nổi tiếng của Lý Thường Kiệt ?
- 4- Vì sao Lý Thường Kiệt đặt bài thơ này ?

- **Câu đố.**

*Cái gì mềm mại đủ màu,
Giúp em tẩy xóa, sửa câu làm bài.*

Đó là cái gì ?

• Đối thoại.

Đi Chợ Trời

- **Mẹ:** Hôm nay trời nắng ấm, mình đi chợ trời nghe anh. Em thích mua ít rau và trái cây. Mùa này trái cây rẻ lắm.
- **Ba:** Phải đấy, anh cũng muốn mua vài thứ đồ dùng để sửa xe nữa.
- **Tâm:** Ba mẹ cho chúng con đi với.
- **Mẹ:** Các con cần mua gì ?
- **Tâm:** Con nghe mấy đứa bạn nói ở chợ trời có bán nhiều loại chim đẹp lắm.
- **Mai:** Con muốn tìm mua một bộ đồ thể thao và một đôi giày.
- **Ba:** Các con phải cẩn thận vì hàng ở đây có thứ tốt mà cũng có thứ xấu. Dễ bị lừa lắm đó.
- **Mẹ:** Về giá cả ở chợ trời cũng không nhất định nữa. Mình phải trả giá vài chỗ rồi mới quyết định mua được.
- **Tâm:** Con biết rồi, bạn con mới mua một con kéc hót rất hay, mà chỉ có bảy đồng thôi.
- **Mai:** Vâng, con sẽ cẩn thận. Tuần trước con đã xem qua giá ở trên internet rồi. Ở chợ trời mua hàng không có thuế đó mẹ.
- **Ba:** Vậy thì bây giờ chúng ta hãy ăn sáng rồi đi sớm cho đỡ nắng.
- **Mẹ:** Vâng, anh và các con vào đây. Em đã chuẩn bị bánh mì với trứng gà, có cả cà phê sữa cho anh nữa đó.

Giải nghĩa:

- **Chợ trời:** Chợ được nhóm ở ngoài và bán đủ loại hàng hóa cũ và mới.

- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**



Bài làm ở nhà 8

- Tập đọc - Học thuộc lòng.

Óc và Tay Chân

Óc ngồi *điều khiển* trên cao,
Chân, tay làm việc xiết bao nhọc nhằn.
Một hôm tay bàn với chân:
“Chúng ta cực khổ, phải cần *đấu tranh*,
Tội chi để óc sai mình,
Cần chi đến óc, phận mình mình lo.”
Thế là hai chú tự do,
Chân đi bừa bãi, tay *quờ* lung tung.
Chân vấp *trẹo*, tay đụng sừng,
Lại gây đổ vỡ *tứ tung* trong nhà.

Chiêu Đăng

Giải nghĩa:

- *Điều khiển*: Sai khiến, ra lệnh. - *Đấu tranh*: Ý nói ở đây là chống đối.
- *Quờ*: Sờ soạng. - *Trẹo*: Trật khớp (xương). - *Tứ tung*: Lộn xộn khắp mọi nơi.

Đại ý:

Vì không chịu theo óc điều khiển, nên tay chân gây ra đổ vỡ và bị thương.

- Bài làm.

1- Câu hỏi.

- a) Óc ngồi ở trên cao làm gì ?
- b) Tay chân phải làm việc như thế nào ?
- c) Tay chân bàn nhau điều gì ?
- d) Sau đó tay chân làm gì ?
- e) Bài này khuyên ta điều gì ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết một đoạn văn 100 từ trở lên về việc em cùng đi với mẹ mua sắm quần áo ấm cho mùa đông sắp tới.

3- Chép lại và thêm dấu:

Công Viên

Nha em ơ gân công viên, nổi tiếng là đẹp.

Thỉnh thoảng em cùng bạn tới đó ngắm hoa. Có nhiều loại hoa màu sắc rực rỡ. Em thích nhất là những khóm hoa quỳnh, nở bông đỏ thắm hoặc hồng tươi. Ở đây có nhiều cây to che bóng mát. Nên tho nhất là hàng cây khuyên diệp cao ngất, cành lá đong đưa trước gió, tỏa hương thơm dịu dịu. Nhiều em nhớ đến nó đưa bạn cha mẹ, ông bà, hoặc chơi đuoi bắt chạch nghe huynh huych....

Chúng Em Cùng Học - Cấp 5
TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

quầy hàng - thực phẩm - điều khiển - bình lương - xâm lấn

5- Tìm từ phản nghĩa:

tự do - cực khổ - hẹp - đầy ắp - đầy đủ - rẻ rề

6- Đặt câu với cặp từ nối:

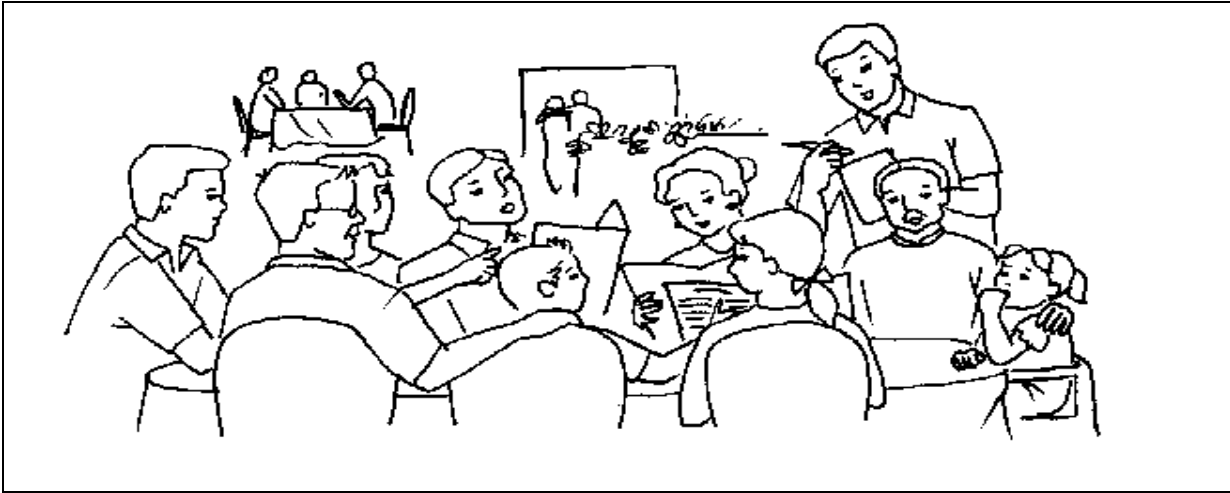
vì ... nên - do ... nên - do ... mà - nhờ ... mà - nếu ... thì
dù ... nhưng - tuy ... nhưng - mặc dù ... nhưng
không những ... mà còn - không chỉ ... mà còn
chẳng những ... mà còn - càng ... càng - mặc dù ... nhưng

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Đi Chợ” và “Óc và Tay Chân”

BÀI CHÍN



• **Chính tả.**

Đi Ăn Nhà Hàng

Cuối tuần trước, có chú thím Sơn ở miền Nam California lên thăm. Nhân dịp này, ba mẹ mời chú thím và cả nhà đi ăn cơm tối ở một nhà hàng Việt Nam. Sau khi cả gia đình đã ngồi vào bàn, người chạy bàn đem phân phát cho mỗi người một **tờ thực đơn**. Mẹ đề nghị gọi các món chung cho cả bàn, ăn như vậy sẽ vui hơn. Ông bà ngoại chọn một **cái lẩu thập cẩm**. Chú Sơn thì đề nghị món bánh hỏi chạo tôm. Ba và Tâm thì thích một đĩa cua rang muối. Mẹ còn gọi thêm một đĩa bông cải xào thịt bò, một đĩa sườn xào chua ngọt và cơm trắng. Bà ngoại bảo hãy ăn hết các món này đã, khi cần sẽ gọi thêm, kéo dư phí. Về thức uống thì ông bà ngoại thích nước trà nóng. Ba và chú Sơn dùng bia. Mẹ và thím Sơn chọn nước đá chanh, còn Mai và Tâm uống nước ngọt. Cả gia đình ngồi ăn uống, chuyện trò thật là vui vẻ.

Giải nghĩa:

- **Tờ thực đơn:** Tờ liệt kê các món ăn uống. - **Lẩu :** (Cù lao) một loại nồi bằng kim loại để nấu, có lò than ở giữa hay ga (gas). - **Thập cẩm :** Gồm nhiều thức ăn bỏ cùng một lúc để nấu chín.

Đại ý:

Nhân dịp chú thím Sơn lên thăm, cả nhà đi ăn ở một nhà hàng Việt Nam.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Đi Ăn Nhà Hàng” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ba mẹ em mời chú thím Sơn và cả gia đình đi ăn ____ (1) ____ ở một nhà hàng Việt Nam. Người chạy bàn phân phát cho mỗi người một tờ ____ (2) ____ . Mẹ gọi các món ăn chung cho cả bàn. Ông bà ngoại chọn một cái ____ (3) ____ . Chú Sơn chọn ____ (4) ____ chao tôm. Ba và Tâm thích cua rang muối. Mẹ còn gọi thêm đĩa bông cải xào thịt bò, sườn xào ____ (5) ____ và cơm trắng. Ngoại bảo nếu cần sẽ gọi ____ (6) ____ chứ đừng gọi nhiều dư phí.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: SAU, SÂU hay SAO

a- Chị đi trước, em theo __(7)_.

b- Cây táo bị __(8)_ đục khoét.

c- Giếng __(9)_ thăm thẳm.

d- Đêm nay trời nhiều __(10)_ .

đ- Biết ra sao ngày __(11)_.

e- Hôm nay con làm __(12)_ thế ?

Đặt câu:

ngày sau - ao sâu - tại sao

III - Thêm dấu mũ (^) hoặc dấu á (ˇ) trên các từ in nghiêng sau đây:

a- Mười *an* chín nhịn.

b- *Mạt* ngọt *chet* *ruoi*.

c- Tay *bat* *mạt* mừng.

d- Kẻ *cap* *gap* bà già.

đ- *An* *trong* *noi*, *ngoi* *trong* hương.

e- Một *cau* nhịn, chín *cau* lành.

Đặt câu:

ăn nhà hàng - cuối tuần - xuất cảng

- **Địa lí.**

Ngư Nghiệp Việt Nam

(tiếp theo trang 26)

Các vùng **châu thổ** sông Hồng, sông Thái Bình, sông Đồng Nai, sông Cửu Long, cùng ao, hồ, đồng ruộng đều cung cấp nhiều loại ngư sản nước ngọt như: Cá lóc, cá trê, cá chép, cá sặt, tôm, cua, tép

Cả hai loại ngư sản này đã được dùng làm thực phẩm tươi, khô và làm mắm. Đặc biệt, kĩ nghệ làm nước mắm **phát triển** mạnh ở những nơi ven biển. Nổi tiếng nhất về nước mắm là vùng Phan Thiết và Phú Quốc.

Ngày nay, ngư sản Việt Nam đang được **xuất cảng** ra nhiều nơi trên thế giới.



Giải nghĩa:

- **Châu thổ:** Vùng đất do phù sa sông tạo thành.

- **Phát triển:** Làm cho lớn rộng ra. - **Xuất cảng:** Bán hàng ra nước ngoài.

- Câu hỏi:

- 1- Hãy kể ra vài loại ngư sản nước ngọt của Việt Nam ?
- 2- Nơi nào nổi tiếng về sản xuất nước mắm ?
- 3- Việc xuất cảng ngư sản của Việt Nam như thế nào ?
- 4- Châu thổ là gì ?

- **Câu đố.**

*Cái gì phẳng mặt bốn chân,
Học sinh là bạn quen thân hàng ngày.*

Đó là gì ?

- **Đối thoại.**

Thức Ăn Việt Nam

- **Ba:** *Bây giờ người ngoại quốc vào ăn ở nhà hàng Việt Nam đông hơn trước rất nhiều.*
 - **Chú Sơn:** *Vâng, Ở miền Nam California em cũng thấy thế. Họ thích nhất là các món: phở, chả giò, bánh cuốn, canh chua . . .*
 - **Ông ngoại:** *Đó cũng niềm vui và là điều hãnh diện cho cộng đồng người Việt ở đây. Nhưng các con có biết là vì sao không ?*
 - **Thím Sơn:** *Thưa bác, nhiều người bạn Mỹ nói với con là các món ăn Việt Nam có nhiều rau và lại ít dầu mỡ, họ rất thích. Ở đây ai cũng sợ mập phì và lên cân.*
 - **Tâm:** *Thưa ngoại, thức ăn Việt Nam cũng ít cay nữa. Hôm nọ ba cho cháu ăn đồ xào Thái Lan cay quá xá !*
 - **Bà ngoại:** *Thế cháu đã ăn bún bò Huế chưa ? Món này cũng cay lắm đấy. Nhưng bún bò Huế thì phải cay mới ngon.*
 - **Mai:** *Thưa ngoại, chỉ đặc biệt có món này thôi ạ. Nhưng mà cháu thì lại thích mùi bún bò Huế lắm.*
 - **Mẹ:** *Thưa ba, còn một lý do nữa khiến người ngoại quốc thích ăn ở nhà hàng Việt Nam, vì giá cả ở đây tương đối nhẹ nhàng và sự tiếp đón lại niềm nở nữa.*
- *Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.*



Bài làm ở nhà 9

- Tập đọc.

Đi Ăn Phở

Sáng nay ba mẹ mời cậu Hoàng đi tiệm ăn phở. Mai và Tâm cũng được đi theo. Tiệm phở này nổi tiếng là ngon và đông khách.

Nhà hàng bung ra năm tô phở cùng với hai đĩa rau tươi, đặt trước mặt mọi người. Phở **nóng hổi**, bốc hơi **thơm phưng phức**. Trong mỗi tô đều có một ít **hành hoa**, điểm xanh trên những miếng thịt bò thái mỏng. Những sợi bánh phở mềm mại, trắng tinh nằm trong tô **nước dùng** trong vắt, điểm chút mỡ **phơn phớt** vàng. Chưa ăn mà đã thấy ngon.

Mai và Tâm vắt một ít chanh vào tô, cầm đũa **đảo** thịt và bánh phở cho ngấm, rồi ăn một cách thích thú.

Cậu Hoàng khen:

- Ăn phở nóng thật là ngon.

Ba vui vẻ nói:

- Vậy cậu ăn thêm tô nữa nhé !

Theo tài liệu B.Q.G.G.D.

Giải nghĩa:

- **Nóng hổi:** Rất nóng đến bốc hơi. - **Thơm phưng phức:** Mùi rất thơm. - **Hành hoa:** Loại hành lá xanh, củ nhỏ - **Nước dùng:** Nước được hầm với thịt và xương để chan vào bánh phở. - **Phơn phớt:** Màu rất nhạt. - **Đảo:** Trộn đều lên.

Đại ý:

Sáng nay cả nhà và cậu Hoàng đi tiệm ăn phở.

- Bài làm.

1- Câu hỏi.

- a) Gia đình Mai và cậu Hoàng đi tiệm ăn gì ?
- b) Tại sao tiệm này lại đông khách ?
- c) Trong mỗi tô có gì ?
- d) Cậu Hoàng khen món ăn ra sao ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết một đoạn văn 120 từ trở lên để nói về việc bố mẹ mời một người thân trong họ hàng của em đi ăn tiệm.

3- Chép lại và thêm dấu:

Phải Thật Thà

Người xưa đã dạy chúng ta,
 "Nói khoác thì toác mom ra,
 Sao bang nói thật ai mà chẳng yêu. "
 Vay nên em phải thật thà,
 Có là nói có, không là nói không.
 Việc làm, lời nói sang trọng,
 Thay có, cha mẹ vui lòng, men yêu

Chúng Em Cùng Học - Cấp 5
 TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

chú - cậu - dì - ngoại quốc - nổi tiếng - thật thà

5- Tìm tiếng phản nghĩa:

héo - lạnh - dày - trong vắt - nhập cảng - niềm vui - đông

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Đi Ăn Nhà Hàng” và “Đi Ăn Phở”

BÀI MƯỜI



- **Chính tả.**

Lễ Tốt Nghiệp

Hè vừa qua, cả gia đình em đã đi dự lễ tốt nghiệp của chú Cường ở U.C. San Diego.

Hàng trăm **sinh viên** chỉnh tề trong mũ áo tốt nghiệp đã ngồi sẵn trên những dãy ghế thẳng tắp. Trên khán đài được trưng bày trang trọng, các vị giáo sư cũng đã **hiện diện** đầy đủ.

Buổi lễ bắt đầu bằng lễ chào cờ. Tiếp theo là bài **diễn văn** của các vị **viện trưởng, khoa trưởng** và đại diện sinh viên. Sau đó là lễ **xướng danh** và phát bằng cho các sinh viên tốt nghiệp.

Cảm động nhất là lúc các sinh viên ra gặp thân nhân, bạn bè. Hàng trăm bó hoa tươi thắm được trao tặng. Ba và chú Sơn chụp hình cùng quay phim để gửi về cho ông bà nội ở Việt Nam. Đây là một ngày vui chung cho đại gia đình.

Nhìn chú Cường, em ao ước cũng sẽ được như chú trong tương lai.

Giải nghĩa:

- **Tốt nghiệp:** Được công nhận đạt tiêu chuẩn học xong bậc đại học.

- **Sinh viên:** Học sinh học đại học. - **Hiện diện:** Có mặt tại chỗ.

- **Viện trưởng:** Người đứng đầu một trường đại học. - **Khoa trưởng:** Người đứng đầu một ngành ở trường đại học.

- **Xướng danh:** Gọi tên.

Đại ý:

Gia đình em đi dự lễ tốt nghiệp của chú Cường ở U.C. San Diego.

• Phân biệt tiếng.

Sa

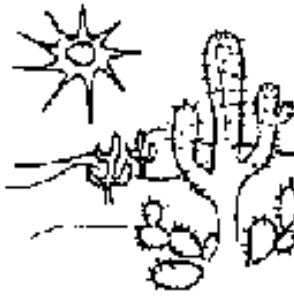
Sa ngã - Sa mạc
Sa thải - Áo cà sa

Xa

Xa xôi - Xa lạ
Xấu xa - Xa xỉ

Ứng dụng.

Hãy điền từ vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

1  Ăn tiêu _____.	2  _____ vì tiền.	3  Ở nơi _____.
4  _____ Mojave.	5  Đường đi _____.	6  Nhà sư mặc _____.

Giải nghĩa:

- **Sa ngã:** Không còn tự giữ mình được nữa.
- **Xa xỉ:** Tốn tiền không cần thiết.
- **Sa thải:** Cho nghỉ việc.
- **Áo cà sa:** Áo khoác ngoài của nhà sư.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Lễ Tốt Nghiệp” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Cả gia đình em đi dự lễ ____ (1) ____ của chú Cường. Buổi lễ bắt đầu bằng lễ chào cờ. Tiếp theo là các bài ____ (2) ____ của viện trưởng, khoa trưởng và ____ (3) ____ sinh viên. Sau đó là lễ xướng danh và phát bằng cho các ____ (4) ____ tốt nghiệp.

Giờ phút các sinh viên ra gặp thân nhân và bạn bè thật là ____ (5) ____ và náo nhiệt. Người ta tặng những ____ (6) ____ tươi thắm cho nhau. Em ao ước đến một ngày nào đó em cũng sẽ được như chú Cường.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: Sẻ hay Xẻ

- a- Chim se _(7)_ làm tổ trên cây.
- b- Phải biết nhường cơm _(8)_ áo cho người nghèo khó.
- c- Vàng trắng ai _(9)_ làm đôi,
Nửa soi gôi chiếc, nửa soi dặm trường.
- d- Khai mương, _(10)_ rãnh cho nước chảy.

Đặt câu:

chia sẻ - chim se sẻ - xẻ gỗ làm nhà

III- Thêm dấu mũ (^) hoặc dấu á (◡) trên các từ in nghiêng sau đây:

- a- **Kien** bò **mieng** chén.
- b- Anh em như **the** tay **chan**.
- c- Người **khon** của khó.
- d- **Vàng vạc** như **trang hom rằm**.
- đ- Người **an ôc**, người **đô** vô.
- e- Ở **hiên** lại **gạp** lành.

Đặt câu:

lễ tốt nghiệp - sinh viên - phát bằng

- **Đối thoại.**

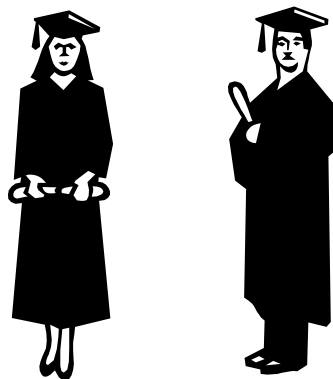
Niềm Vui Ngày Tốt Nghiệp

- **Ông ngoại:** *Bác chia vui với cháu Cường nhé. Hôm nay là **đại đăng khoa**, bác chúc cháu mau có **tiểu đăng khoa** nữa.*
- **Chú Cường:** *Dạ, cháu xin cảm ơn bác.*
- **Bà:** *Em tốt nghiệp ngành “computer science” kỳ này, anh chị và các cháu mừng lắm. Hiện nay nơi anh ở nhu cầu về ngành này đang cần. May ra em sẽ tìm được việc làm ở gần chỗ ở của anh chị.*
- **Tâm:** *Hay quá! Chú Cường nhớ về ở gần tụi cháu nha, cháu mong lắm đó.*
- **Chú Cường:** *Dĩ nhiên rồi! Chú cháu mình sẽ lại có dịp đi chơi chung.*
- **Mai:** *Cháu mong được chú Cường dạy thêm về computer nữa.*
- **Chú Sơn:** *Thế em có định lấy thêm bằng Master nữa hay không?*
- **Chú Cường:** *Em cũng muốn vậy, nhưng cần đi làm để lấy thêm kinh nghiệm, rồi tiếp tục học cũng chưa muộn.*
- **Bà ngoại:** *Cháu Cường có chí quá! Bác mừng cho cháu lắm. Để thông thả, cháu hãy về thăm gia đình bên nhà. Hai bác bên ấy sẽ vui mừng lắm.*
- **Mẹ:** *Phải đấy, hè này gia đình mình và chú Cường hãy về Việt Nam thăm nhà một chuyến.*

Giải nghĩa:

- **Đại đăng khoa:** *Thi đỗ, ra trường.* - **Tiểu đăng khoa:** *Cưới vợ.*

- *Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.*



Bài làm ở nhà 10

- Tập đọc.

Vua Có Lòng Nhân

Lý Thánh Tôn là một ông vua **nhân từ**, có lòng thương dân. Một năm, trời rét lắm, vua nghĩ đến những người tù phải giam trong **ngục**, bèn bảo các quan rằng:
- “**Trẫm** ở trong **cung**, ăn mặc như thế này mà còn rét. Những kẻ nghèo khó, những **tù phạm** bị trời buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc thì khổ đến đâu!”

Nói rồi, vua truyền lấy chăn chiếu phát cho những người nghèo và tù nhân. Lại có một hôm, đang buổi chiều, có **công chúa** đứng hầu bên cạnh. Vua chỉ vào công chúa mà bảo rằng:

- “Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con của trẫm vậy. Kể từ nay về sau, hình phạt gì cũng giảm bớt đi ” .

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Giải nghĩa:

- **Nhân từ**: Hiền lành có lòng thương người. - **Ngục**: Nhà tù. - **Trẫm**: Tiếng của vua tự xưng với mọi người. - **Cung**: Nơi vua ở. - **Tù phạm**: Người đang bị ở tù. - **Công chúa**: Con gái của vua.

Đại ý:

Vua Lý Thánh Tôn có lòng nhân từ, thương dân như con.

- Bài làm.

1- Câu hỏi.

- a) Lý Thánh Tôn là một ông vua như thế nào ?
- b) Ông cho phân phát người nghèo và tù nhân những gì ?
- c) Con gái của vua gọi là gì ?
- d) Viết lại câu nói của vua Lý Thánh Tôn thương dân như con ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết một đoạn văn 120 từ trở lên nói về buổi lễ mãn khóa của trường Văn Lang.

3- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:

Trăng Trung Thu

.....
 Đêm ram thang tam, trang sang nhat trong nam. Mat trang tron, to
 va dep nho ra khoi vang may. Anh sang toa khap doi cay, rang nui.
 Canh vat dep biet bao!

Duoi trang, tre con nhon nhip ruoc đen, xem mua lan. Ngươi lơn an banh Trung
 Thu, uong tra va ke cho nhau nghe su tích chi Hằng.

**Chúng Em Cùng Học - Cấp 4
TTVNVL**

4- Giải nghĩa, đặt câu:

nhân từ - sinh viên - tốt nghiệp - cử nhân - tiến sĩ - thạc sĩ

5- Tìm tiếng phản nghĩa:

trẻ con - rét buốt - nghèo khó - nhân từ - chính tề - thẳng tắp

- Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Lễ Tốt Nghiệp” và “Vua Có Lòng Nhân”

BÀI MUỖI MỘT

• Chính tả.

Về Thăm Quê Hương

Hè năm nay, Cường mới về thăm gia đình. Anh đi trong **phái đoàn** các sinh viên thăm quê hương.

Máy bay gần đến phi trường Tân Sơn Nhất. Cường **hỏi hợp** nhìn xuống, thấy dòng sông Đồng Nai **uốn khúc** lấp lánh ánh mặt trời. Cánh đồng xanh tươi trải dài đến tận chân trời. Đã bao năm xa cách nay mới được nhìn lại cảnh quê nhà, anh vô cùng **xúc động**.

Cường cùng các bạn nhận hành lý, qua các trạm kiểm soát và **quan thuế**. Đến trạm cuối cùng, anh thấy rất đông thân nhân đang ngóng chờ.

Một giọng nói quen thuộc của bác Bảo vang lên:

- A! Cường đây rồi.

Tiếp đến là ba, mẹ, anh chị và các cháu vây quanh Cường. Mẹ cầm tay anh mà không nói nên lời...

Từ phi trường về nhà, niềm vui dâng lên trong tâm hồn anh bên những người thân yêu.

Giải nghĩa:

- **Phái đoàn:** Một nhóm người đi làm cùng một việc. - **Hỏi hợp:** Xôn xao, nao nức trong lòng. - **Uốn khúc:** Quay co qua lại. - **Xúc động:** Cảm động tức thời. - **Quan thuế:** Nơi kiểm soát hành lý xuất nhập cảnh.

Đại ý:

Cường về thăm gia đình và quê hương Việt Nam.

• **Phân biệt tiếng.**

Sao

Ngôi sao - Trăng sao
Hương sao - Tại sao

Xao

Xôn xao - Xao xác
Xao lãng - Xao động

Ứng dụng.

Hãy điền từ vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

1  Tiếng gà _____.	2  _____ vậy ?	3  Cười nói _____.
4  _____ đầy trời.	5  Chớ _____ việc học.	6  _____ cao cổ.

Giải nghĩa:

- **Xôn Xao:** Tiếng động xen lẫn nhau. - **Xao xác:** Tiếng gà gáy, tiếng chim vỗ cánh nối tiếp nhau làm lay động không gian vắng lặng. - **Xao lãng:** Quên đi việc chính phải làm. - **Xao động:** lay động, không yên.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Về Thăm Quê Hương” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Hè năm nay, cùng với phái đoàn sinh viên Cường có dịp về ____ (1) ____ gia đình. Máy bay gần đến ____ (2) ____ Tân Sơn Nhất, anh hồi hộp nhìn thấy dòng sông ____ (3) ____ uốn khúc lấp lánh ánh mặt trời, cánh đồng lúa xanh bát ngát đến tận chân trời. Lòng anh vô cùng ____ (4) _____. Mọi người trong gia đình đón anh ở phi trường. Mẹ Cường mừng rỡ không nói nên ____ (5) _____. Từ phi trường về nhà, ngồi bên cạnh những người ____ (6) _____, một niềm vui đang dâng lên trong ____ (7) ____ anh.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: **SAO** hay **XAO**

- a- Con phải chăm chỉ, chớ __(8)_ lãng việc học.
- b- Trên bầu trời có nhiều ngôi __(9)_ đang lấp lánh.
- c- Vì __(10)_ con vắng mặt ngày hôm qua ?
- d- Gió thổi làm mặt nước __(11)_ động.

Đặt câu:

xao động - xanh xao - làm sao

III - Thêm dấu hỏi (?) hoặc dấu ngã (~) trên các từ in nghiêng sau đây:

- a- **Tre** cây cha, già cây con.
- b- Khấp **khenh** như răng bà **lao**.
- c- Một con ngựa đau, **ca** tàu không ăn **co**.
- d- **Tho the** như **tre** lên ba.
- đ- Mặc ai chuốc lợi mua danh,
Mien ta học đặng đạo lành thì thôi.
- e- Vui từ trong **cửa** vui ra,
Buồn từ **nga bay**, **nga** ba buồn về.

Đặt câu:

cảnh nhà quê - trạm kiểm soát - mừng rỡ

- **Đối thoại.**

Gia Đình Sum Họp

- **Bà nội:** Hôm nay con đã về thăm gia đình, mẹ mừng quá! Vậy con ở lại nhà được bao lâu trước khi đi cùng với phái đoàn ?
 -
 - **Chú Cường:** Thưa mẹ, con sẽ ở nhà được một tuần. Sáng Thứ Hai tuần tới con sẽ đi cùng phái đoàn viếng thăm các nơi. Sau hai tuần con sẽ trở lại nhà được bốn hôm nữa rồi mới trở về Mỹ.
 - **Ông nội:** Chiều nay, nhà mình sẽ làm một lễ cúng cơm để tạ ơn trên và tổ tiên ông bà đã phù hộ cho gia đình mình được mọi điều tốt đẹp.
 - **Bác Bảo:** Thưa ba, ngày mai con sẽ đưa em Cường cùng bố mẹ đi thăm mộ ông bà nội và bác Hai.
 - **Nhân, Hạnh, Trí** (con bác Bảo): Ông nội cho chúng cháu đi với.
 - **Cô Thu** (em chú Cường): Ngày mai các cháu không đi học sao ?
 - **Bác Bảo:** Ngày mai chúng nó được nghỉ học vì thầy cô bận họp.
 - **Chú Cường:** Thế thì tốt quá! Ngày mai cả nhà sẽ cùng đi. Các cháu ngoan và lớn quá! Nhớ ngày nào lúc em ra đi, cháu Trí còn khóc oe oe, thế mà nay đã học lớp tám rồi. Thời gian qua mau thật!
- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**



Bài làm ở nhà 11

- Tập đọc.

Ông Già và Bốn Người Con

Một ông lão làm ruộng có bốn người con trai. Một hôm ông gọi cả bốn người con lại trước một cái bàn, trên để một bó đũa và một **túi bạc**. Ông bảo rằng:

- Hễ ai bẻ gãy được bó đũa này thì ta cho túi bạc.

Bốn người con, mỗi người thử một lượt, nhưng không ai bẻ được. Ông già bèn cời bó đũa ra, bẻ gãy từng chiếc một như chơi. Thấy vậy, các con cùng lên tiếng:

- Nếu bẻ từng chiếc một thì dễ chẳng khó gì, thưa cha.

Người cha bảo:

- Nay các con, như thế thì các con nên nhớ: Muốn có sức mạnh phải **hợp quần**. Khi ta chết rồi, các con luôn nhớ đến chuyện bó đũa này. Phải thương yêu và đùm bọc nhau thì mới đủ **sức mạnh** làm những việc khó khăn.

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Giải nghĩa:

- **Túi bạc**: Túi đựng tiền. - **Hợp quần**: Đoàn kết lại với nhau. - **Sức mạnh**: Sự mạnh mẽ có thể đảm đương nổi nhiều việc nặng nề, khó khăn.

Đại ý:

Muốn có sức mạnh thì phải hợp quần.

- Bài làm.

1- Câu hỏi.

- a) Gia đình ông già có mấy người con ?
- b) Người cha nói gì với các con ?
- c) Tại sao không ai bẻ gãy được bó đũa ?
- d) Câu chuyện này có ý khuyên ta điều gì ?

2- Tập làm văn.

Hãy viết một đoạn văn 120 từ trở lên nói về buổi sum họp gia đình của em sau bữa ăn tối.

3- Chép lại và thêm dấu:

Bàn Tay

Ban tay em nam ngon
 Co ngon ngắn, ngon dài.
 Nhu anh em mot nha,
 Co ke hơn người kem.
 Nhung cung mot me cha,
 Phai thương yêu đoàn kết,
 Mọi that là khon ngoan.

Chúng Em Cùng Học - Cấp 3
 TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

quê hương - chia rẽ - phi trường - ngóng chờ - thỏ thẻ

5- Tìm tiếng phản nghĩa:

ngắn - thật thà - đoàn kết - xanh xao - mừng rỡ

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Về Thăm Quê Hương” và “Ông Già và Bốn Người Con”

BÀI MƯỜI HAI



- **Chính tả.**

Lòng Yêu Nước

- Thừa ba, con nghe cô giáo nói người Việt Nam giàu lòng yêu nước lắm. Vậy, lòng yêu nước là gì hả ba?

- Lòng yêu nước là lòng yêu thương **đồng bào**, gắn bó với **xứ sở**, dân tộc của mình. Lòng yêu nước là một điều rất thiêng liêng và cao quý. Ngày xưa, khi quân Tàu **xâm lấn** nước ta, nhà vua triệu tập các bô lão để bàn kế chống giặc. Một thiếu niên, vì nhỏ tuổi không được tham dự, phải đứng ngoài cửa. Khi nghe kể lại sự tàn ác của quân giặc, cậu **căm phẫn** đến độ đã bóp nát quả cam đang cầm trong tay lúc nào không hay. Sau đó, cậu đã tự **tập hợp** và cầm đầu một đoàn thiếu niên anh dũng đi đánh giặc. Đoàn quân đã lập được nhiều chiến công **hiển hách**.

Đó là anh hùng tí hon Trần Quốc Toản, tuổi vừa mười sáu. Một tấm gương cao cả về lòng yêu nước trong lịch sử nước nhà.

Giải nghĩa:

- **Đồng bào:** Người cùng giòng giống, quê hương, màu da. - **Xứ sở:** Đất nước, quê hương. - **Xâm lấn:** Đem quân đánh chiếm. - **Căm phẫn:** Tức giận, căm thù. - **Tập hợp:** Nhóm lại. - **Hiển hách:** Rực rỡ, chói lọi.

Đại ý:

Lòng yêu nước của người Việt và anh hùng Trần Quốc Toản.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Lòng Yêu Nước” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Cô giáo nói người Việt Nam rất giàu lòng yêu nước. Lòng yêu nước là lòng ____ (1) ____, gắn bó với ____ (2) ____, xứ sở của mình. Lòng yêu nước là một điều rất cao quý và ____ (3) _____. Khi quân Tàu ____ (4) ____, nhà vua triệu tập các bô lão để ____ (5) _____. Trần Quốc Toản, vì còn nhỏ tuổi không được ____ (6) ____, chỉ đứng ở bên ngoài. Nghe kể lại ____ (7) ____ của quân giặc, cậu cảm phần đến nỗi cầm quả cam trong tay mà ____ (8) ____ lúc nào không hay. Trần Quốc Toản là một ____ (9) ____ cao cả về lòng ____ (10) ____ trong lịch sử nước nhà.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: CHĂN, CHẴNG hay CHÂN

- a- Anh em như thể tay __(9)_____.
- b- Giá cả phải __(10)_____.
- c- __(11)_____ con vịt có màng.
- d- Trời lạnh phải đắp __(12)_____ dày mới đủ ấm.

Đặt câu:

bàn chân - chân thật - phải chăng

III - Thêm dấu hỏi (?) hoặc dấu ngã (~) trên các từ in nghiêng sau đây:

- a- Lắm **rê** nhiều cảnh.
- b- **Kê lê** con cà con kê.
- c- Thuốc đắng **da** tật.
- d- Thằng chết **cai** thằng khiêng.
- đ- **Đa** sinh ra kiếp đàn ông
Đèo cao, núi **thăm**, sông cùng **quan** chi.
- e- **Đa** giàu thì lại giàu thêm,
Đa khó, lại khó **ca** đêm **lân** ngày.

Đặt câu:

xứ sở - cảm phần - ngã lòng

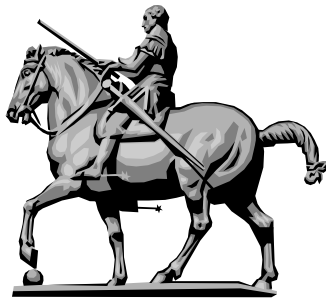
- **Việt sử.**

Lý Thường Kiệt

(tiếp theo trang 46)

Cuối năm 1103, Lý Thường Kiệt xin vua Lý Nhân Tông cho phép ông đem quân dẹp loạn Lý Giác ở Diễn Châu (nay thuộc tỉnh Nghệ An), lúc đó ông đã 84 tuổi. Lý Giác thua chạy sang Chiêm Thành.

Năm 1104, nghe lời Lý Giác, quân Chiêm Thành sang đánh chiếm ba châu: Bố Chính, Ma Linh và Địa Lý (nay là tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị). Lý Thường Kiệt lại mang quân đánh dẹp khiến quân Chiêm Thành thua và phải trả lại ba châu trên. Ông kéo binh về nước được một năm sau thì mất, thọ được 86 tuổi.



Giải nghĩa:

- **Châu:** Vùng đất rộng lớn.

- Câu hỏi:

- 1- Lý Thường Kiệt đi dẹp loạn Lý Giác lúc bao nhiêu tuổi ?
- 2- Quân Chiêm Thành sang đánh và chiếm những vùng nào ?
- 3- Lý Thường Kiệt thọ được bao nhiêu tuổi ?
- 4- Hãy viết lại bài thơ bát hủ của Lý Thường Kiệt ?

- **Câu đố.**

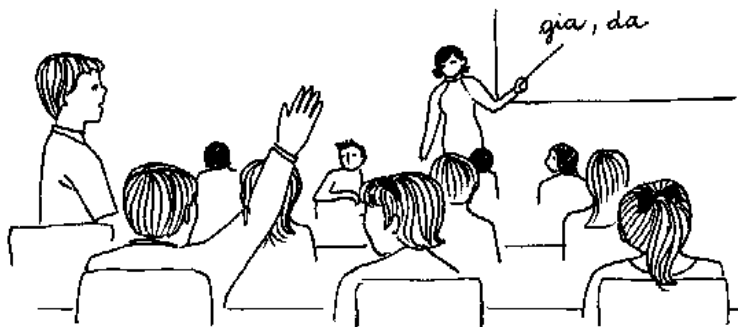
*Tàu gì lướt gió, tung mây,
Đưa người ngàn dặm, một ngày đoàn viên?*

Đó là gì ?

- **Đối thoại.**

Phải Làm Gì Để Tổ Lòng Yêu Nước

- **Mai:** Thưa ông ngoại, chúng cháu đang ở xa quê nhà, phải làm thế nào để tỏ lòng yêu nước ?
- **Ông ngoại:** Có rất nhiều điều các cháu phải làm lắm. Quan trọng nhất là các cháu phải học thật giỏi và có hạnh kiểm tốt, để trở thành người có ích cho xã hội.
- **Tâm:** Như vậy thì có liên quan gì đến nước mình đâu ? Ông ngoại.
- **Ông ngoại:** Có chứ, một khi cháu đã là người tốt, giỏi giang, có nghề nghiệp vững vàng thì mọi người ở đây sẽ yêu mến và quý trọng cháu. Như vậy cháu đã làm vẻ vang cho nước mình rồi. Sau đó, cháu mới có thể dễ dàng giúp đỡ đồng bào mình được.
- **Bà ngoại:** Có điều này cũng không kém phần quan trọng là các cháu cũng phải lo học cho giỏi tiếng Việt nữa.
- **Liên:** Thưa bà, chúng cháu chỉ cần nói tiếng Việt trong gia đình là đủ. Sao còn cần phải học thêm tiếng Việt để làm gì ?
- **Bà ngoại:** Nhờ giỏi tiếng Việt cháu mới đọc sách, nói chuyện thông thạo với đồng bào mình. Như vậy cháu mới biết được lịch sử nước nhà và giữ được truyền thống tốt đẹp của tổ tiên mình. Lúc đó cháu mới hãnh diện mình là người Việt Nam, không quên nguồn cội.
- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**



Bài làm ở nhà 12

- **Kể chuyện.**

Hoàng Tử Bóng

Ngày xưa, ở một làng nọ, có bác Bảy làm nghề đánh cá. Bác rất nghèo và sống một mình trong một túp lều **xiêu vẹo** đầu làng.

Một buổi sáng, như thường lệ, bác ra sông cất **vó**. Nhưng hôm nay chẳng có con tôm, chú tép nào cả ngoài một con cá bóng nhỏ đang quẫy mạnh ở mắt lưới. Bác toan bắt bóng bỏ vào giỏ thì chợt nghe nó cất tiếng van xin:

- Ông ơi ! Tôi không có tội tình chi. Xin ông hãy tha cho tôi được về với cha mẹ tôi.

Bác thương tình thả cá xuống sông. Con cá **lượn lờ** một lát trên mặt nước như vui mừng, rồi lặn mất. Bác Bảy vui vẻ nhìn theo, rồi chậm rãi quay bước về nhà, bụng nghĩ thầm:

- Thế là hôm nay ta đành nhịn đói vậy.

Vừa bước chân vào nhà, bác giật mình vì trông thấy một cái mâm đầy vàng, ngọc, châu báu nằm trên bàn và một tờ giấy thật đẹp với hàng chữ:

- Ta là con **vua Thủy Tề**. Xin đền ơn tha mạng.

Từ đó, bác Bảy trở nên giàu có, bác dùng tài sản của mình giúp đỡ các người nghèo khó trong làng và sống vui vẻ, khỏe mạnh suốt đời.

Theo Tài liệu Bộ Q.G.G.D.

Giải nghĩa:

- **Xiêu vẹo**: Ngả nghiêng, không vững chãi. - **Vó**: Đồ dùng để bắt cá.

- **Lượn lờ**: Bơi lờ dờ. - **Vua Thủy Tề**: Vua dưới nước.

Đại ý:

Người có lòng tốt bao giờ cũng được trả ơn.

- **Bài làm.**

1- Câu hỏi.

- a) Bác Bảy làm nghề gì ?
- b) Bác cất vó được con gì ?
- c) Tại sao bác lại thả con cá ra ?
- d) Bác đã được con cá đền ơn ra sao ?

2- Tập làm văn:

Hãy kể lại một chuyện về người có lòng tốt được đền ơn.

3- Chép lại và thêm dấu đoạn văn :

Thời Giờ Là Vàng Bạc

Nam nay Mai đã mười hai tuổi. Đôi khi Mai muốn thanh người lớn và đi học đại học như chị Hoàng con bác Hai. Có lúc Mai mơ mong mình tho ngay bề bong như thua con học mẫu giáo. Nhưng tất cả chỉ là mơ ước. Không ai có thể làm cho thời gian chạy nhanh hơn, cũng không ai có thể làm cho thời gian lui lại được.....

Chúng Em Cùng Học - Cấp 5
TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

giúp đỡ - cao quý - xiêu vẹo - mơ mộng - thông thạo

5- Tìm tiếng đồng nghĩa:

thời giờ - bông - chậm rãi - mồm - sống thọ

- **Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Lòng Yêu Nước” và “Hoàng Tử Bồng”

BÀI MƯỜI BA

• **Chính tả.**

Tính Ngay Thẳng

Vào đời nhà Trần, ở nước ta có ông Chu Văn An thi đỗ **tiến sĩ** và mở trường dạy học. Học trò của ông rất đông và có nhiều người làm quan to trong triều. Nhưng khi đến thăm thầy, tất cả đều phải giữ lễ phép, như vẫn còn là học trò khi xưa.

Vua nghe tiếng ông là bậc **đạo đức, mô phạm**, bèn triệu vào kinh đô làm quan để dạy cho **thái tử**.

Sau ông thấy chính sự trong triều **suy đồi**, nhiều kẻ quyền thần làm bậy nên ông dâng sớ xin nhà vua sửa trị bảy người gian nịnh. Vua không nghe lời, ông bèn xin từ chức, không thiết gì đến công danh quyền lợi nữa.

Ông Chu Văn An là một người có tiếng về lòng ngay thẳng, đáng để chúng ta noi theo.

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Giải nghĩa:

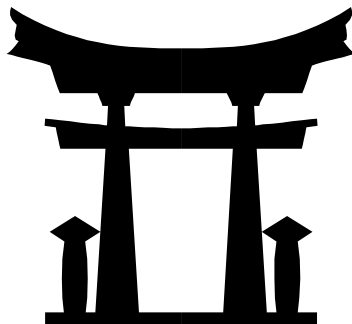
- **Chu Văn An:** (1292 - 1370).

- **Tiến sĩ:** Cấp bằng cao nhất của người đỗ khoa thi đình thời xưa hoặc cấp bằng cao nhất của bậc trên đại học. - **Đạo đức:** Lòng tốt và ngay thẳng. - **Mô phạm:** Khuôn mẫu để mọi người noi theo. - **Thái tử:** Hoàng tử được chọn để sau này nối ngôi vua. - **Suy đồi:** Sự sút kém và hư hỏng.

Đại ý:

Ông Chu Văn An là một người đạo đức và ngay thẳng.

•



Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Tĩnh Ngay Thẳng” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Người giữ lòng thành thật và phân minh là người có tính __(1)____. Đời Nhà Trần, có ông Chu Văn An thi đỗ tiến sĩ. Ông không ra làm quan mà mở trường __(2)____. Học trò ông rất đông, có nhiều người đỗ đạt và làm __(3)____ to trong triều.

Vua nghe tiếng ông là bậc đạo đức, __(4)____, triệu ông vào kinh cho làm quan để dạy thái tử. Sau ông thấy chính sự trong triều __(5)____ nên ông xin nhà vua sửa trị bầy kẻ gian nịnh. Nhà vua không nghe, ông bèn xin __(6)____, trở về dạy học. Ông Chu Văn An là một người có tính __(7)____ đáng để cho chúng ta __(8)____.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: XIN hay XINH

- a- Em __(9)____ phép mẹ mua đôi giày.
- b- Làm lỗi phải biết __(10)____ lỗi.
- c- Bé Oanh có con búp bê rất __(11)____.
- d- Gương mặt Oanh __(12)____ tươi.

Đặt câu:

xin phép - căn nhà xinh - xinh tươi

III - Thêm dấu mũ (^) hoặc dấu á (ˇ) trên các từ in nghiêng sau đây:

- a- Ăn *vật* quen mồm.
- b- Đói *an* vụng, túng làm càn.
- c- *Thiên lôi* chỉ *đau* đánh đay.
- d- Tránh voi *chẳng* xấu *mặt* nào.
- đ- Chim *khon* ai nữ *ban*,
- e- Trời nào có phụ ai *đau*,
- Người *khon* ai nữ nói *nạng*.
- Hay làm thì giàu, có chí thì *nen*.

Đặt câu:

ngay thẳng - thăm hỏi - thành thật

- **Địa lí.**

Tiểu Công Nghệ

Ở Việt Nam, **tiểu công nghệ** có tính cách gia đình nhưng nay cũng đang **phát triển** để trở thành những **kĩ nghệ** lớn.

Nghề dệt lụa ở Long Xuyên, Quảng Nam, Hà Đông, Thái Bình. Nghề dệt chiếu ở Phát Diệm, Định Tường, Kiên Giang. Nghề làm **đồ khảm, đồ chạm, đồ ngà**, đồ thêu rất nổi tiếng ở các tỉnh Nam Định, Bắc Ninh. Ở Rạch Giá, Hà Tiên có nghề làm **đồi mồi**. Ở Bình Dương, Biên Hòa có nghề làm **đồ gốm** và **đồ sơn mài**. Ở Bình Định, Thừa Thiên có nghề đan mây, đan nón rất đẹp.

Giải nghĩa:

- **Tiểu công nghệ:** Nghề làm ra hàng hóa bằng tay. - **Phát triển:** Làm cho rộng lớn hơn.
- **Kĩ nghệ:** Nghề làm hàng hóa bằng máy thay cho sức người.
- **Đồ khảm:** Vật có gắn các loại màu sắc vào những hình đục sẵn. - **Đồ chạm:** Vật được đục hay khắc các nét và hình rất mỹ thuật. - **Đồ ngà:** Vật làm bằng ngà voi hay răng của thú vật. - **Đồi mồi:** Loại rùa biển có mai rùa đẹp được dùng làm đồ trang sức. - **Đồ gốm:** Vật làm bằng đất hay đất sét rồi nung lán như sành, sứ ... - **Đồ sơn mài:** Vật được vẽ và tráng lên một lớp nhựa cây trong và bóng.

- Câu hỏi:

- 1- Tiểu công nghệ ở Việt Nam ra sao ?
- 2- Nơi nào nổi tiếng về sản xuất đồ thêu ?
- 3- Tỉnh Bình Dương, Biên Hòa nổi tiếng về nghề gì ?
- 4- Nghề làm đồi mồi ở tỉnh nào ?

- **Câu đố.**

*Đêm mà không có mặt em,
Sách hay cách mấy anh xem được gì ?
Đố là gì ?*

• Đối thoại.

Người Học Sinh Ngay Thẳng

- **Tâm:** Thưa ba, người học sinh ngay thẳng phải như thế nào hở ba ?
 - **Ba:** Người học sinh ngay thẳng là một người tôn trọng sự thật và không hề ăn gian, nói dối. Thí dụ như khi cô giáo hỏi con có đọc bài tập đọc này ở nhà đủ bốn lần trước khi con đọc vào băng cassette không. Nếu con chỉ đọc có hai lần thì phải mạnh dạn thưa với cô giáo là con chỉ mới đọc có hai lần thôi.
 - **Tâm:** Như vậy cô giáo sẽ phạt, mà con thì không muốn bị phạt.
 - **Ba:** Thà bị phạt còn hơn là con nói sai sự thật. Hơn nữa nhờ cô giáo phạt, lần sau con sẽ chăm hơn.
 - **Mẹ:** Giả sử trong giờ chơi, các bạn con chế diễu một học sinh bị tàn tật, đi đứng không bình thường. Là một học sinh ngay thẳng, con phải làm gì ?
 - **Mai:** Thưa mẹ, con sẽ ngăn cản các bạn không cho họ chế diễu nữa. Đồng thời tìm lời an ủi, giúp đỡ người bạn tàn tật.
 - **Mẹ:** Con nói rất đúng. Nhưng như thế con sẽ bị các bạn đó ghét thì sao ?
 - **Mai:** Thưa mẹ, dù cho bị ghét, con cũng phải sống ngay thẳng.
 - **Ba:** Giỏi! Ba rất hãnh diện có một đứa con ngoan như con.
- **Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.**



Bài làm ở nhà 13

- **Tập đọc.**

Vịnh Hạ Long

Vịnh Hạ Long là một **thắng cảnh** nổi tiếng ở miền Bắc Việt Nam và cũng là một trong tám **kỳ quan** của thế giới.

Cả một vùng rộng lớn trên một ngàn sáu trăm cây số vuông (1.600 km^2), vô số những hòn đảo, núi đá từ lòng biển nhô lên khỏi mặt nước đủ hình, đủ cỡ. Có rất nhiều **hang**, **động** đẹp **kì lạ**.

Đây là hòn Gấu, hòn Cá Voi, hòn Cá Sấu.... Đó là đảo Cây Bút, đảo Cái Nghiên.... Kìa là động Tam Cung, hang Trinh Nữ, núi Song Thai Kể sao cho hết những hình thù lạ lùng của trên hai ngàn núi đá, chênh vênh trên sóng nước rì rào ngày đêm. Cảnh trời mây nước mênh mông khiến **du khách** phải ngạc nhiên thích thú.

Dù cho nắng mưa, bão táp hàng triệu năm qua. Biển vịnh Hạ Long vẫn êm đềm, trong xanh như ngọc. Cỏ cây mọc chen vách đá tươi tốt như có bàn tay **kì diệu** chăm sóc thường xuyên.

Giải nghĩa:

- **Vịnh:** Vùng bờ biển ăn sâu vào đất liền. - **Thắng cảnh:** Cảnh đẹp thiên nhiên.
- **Kỳ quan:** Cảnh đẹp lạ lùng, hiếm có. - **Hang:** Hốc lớn trong núi. - **Động:** Hang núi (hốc lớn) có thể ở được. - **Kì lạ:** Lạ không thể ngờ. - **Du khách:** Người đi du lịch. - **Kì diệu:** Rất lạ lùng và không thể cắt nghĩa nổi.

Đại ý:

Cảnh đẹp của vịnh Hạ Long, một trong những kỳ quan của thế giới.

- **Bài làm.**

1- Câu hỏi.

- Vịnh Hạ Long thuộc miền nào của nước Việt Nam ?
- Cảnh vịnh Hạ Long có những gì nổi tiếng là đẹp ?
- Vịnh hạ Long có ước khoảng bao nhiêu hòn đảo ?
- Em hãy kể tên vài hòn đảo trong vịnh Hạ Long ?

2- Tập làm văn.

Hãy tả lại một cảnh đẹp thiên nhiên mà em đã có dịp đi thăm.

3- Chép lại và thêm dấu:

Chớ Nên Uống Rượu

Chớ nên uống rượu ai ơi !
Rượu là chất độc hại đời chúng ta.
Rượu vào tan pha thân ta,
Lam cho tan cửa nát nhà như chơi.

4- Giải nghĩa, đặt câu:

du khách - kì quan - thắng cảnh - hãnh diện - chế diễu

5- Tìm tiếng phản nghĩa:

thiên nhiên - tàn phá - tươi tốt - ngay thẳng

• Thâu băng.

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“**Tính Ngay Thẳng**” và “**Vịnh Hạ Long**”



BÀI MƯỜI BỐN

• Chính tả.

Tính Kiên Nhẫn

Khi làm bài ở nhà, Tâm ít chịu suy nghĩ lâu. Hơi thấy khó khăn một tí là quay sang hỏi chị Mai ngay. Ông ngoại thấy thế mới bảo Tâm phải tập tính **kiên nhẫn**.

- Khi gặp việc gì khó, cháu đừng ngã lòng. Cứ cố gắng mãi thì cháu sẽ làm được. Khi đã tự làm được việc thì niềm **tự tin** mới tăng lên, ra xã hội cháu sẽ dễ thành công.

- Hãy nhìn gương kiên nhẫn của những bậc cha anh các cháu trong **cộng đồng** người Việt ở đây. Khi mới **định cư** ở quốc gia này, mỗi người đều bắt đầu bằng hai bàn tay trắng. Thế mà chỉ sau một thời gian học tập **cần cù**, làm việc **nhẫn nại**, nhiều người nay đã đạt được nghề nghiệp vững vàng, thành công trong xã hội Hoa Kỳ. Một số gia đình trở nên giàu có, bắt đầu mở công ti với số vốn hàng triệu Mỹ kim ...

- Tất cả những **thành quả** tốt đẹp trên, phần lớn do tính kiên nhẫn mà ra đó cháu.

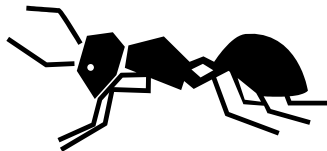
Giải nghĩa:

- **Kiên nhẫn**: Khả năng làm việc bền bỉ, không nản lòng. - **Tự tin**: Sự tin tưởng vào bản thân mình. - **Cộng đồng**: Một số người cùng chung nhau hay toàn thể những người trong xã hội. - **Định cư**: Sống cố định ở một địa phương nào.

- **Cần cù**: Chăm chỉ hay chịu khó một cách thường xuyên. - **Nhẫn nại**: Khả năng chịu đựng những khó khăn vất vả. - **Thành quả**: Kết quả quý giá đạt được.

Đại ý:

Tính kiên nhẫn sẽ giúp chúng ta dễ thành công trong xã hội.



• **Phân biệt tiếng.**

Sinh

Sinh nhật - Sinh tố
Học sinh - Sinh viên

Xinh

Xinh xắn - Xinh tươi
Xinh đẹp - Xinh gái

Ứng dụng.

Hãy điền từ vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

1  Trông bé _____.	2  Chị gói quà _____.	3  Ví da _____.
4  _____ đến trường.	5  Nụ cười _____.	6  Trái cây nhiều _____.

Giải nghĩa:

- **Sinh tố:** Chất bổ trong trái cây (vitamin)
- **Xinh xắn:** Rất xinh.
- **Xinh tươi:** Xinh và tươi tắn.

• Bài tập.

I - Chọn từ trong bài “Tính Kiên Nhẫn” để điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Tâm ít chịu ____ (1) ____ lâu khi làm bài ở nhà. Tâm hay quay sang hỏi Mai. Ông ngoại thấy thế mới bảo Tâm phải tập tính ____ (2) _____. Có tự mình làm việc thì mới có lòng tự tin, và sẽ dễ ____ (3) ____ khi ra xã hội.

Hãy nhìn gương những bậc cha anh trong ____ (4) ____ người Việt ở đây. Nhờ kiên nhẫn làm việc, ____ (5) ____ mà ngày nay đã có nhiều người đạt được bằng cấp cao, ____ (6) ____ trong xã hội.

II - Điền tiếng vào chỗ trống cho hợp nghĩa: SINH hay XINH

- a- Chị Mai __(7)__ năm nào ?
- b- Em mua được cái kẹp tóc rất __(8)_____.
- c- Cha mẹ hi __(9)__ cả cuộc đời mình cho con.
- d- Miệng __(10)__ ăn nói dịu dàng có duyên.
- đ- Ăn thức ăn có đủ __(11)__ tố sẽ mạnh khỏe.
- e- Lễ Giáng __(12)__ là một dịp sum họp của mọi gia đình.

Đặt câu:

sinh nhật - lễ Phục sinh - xinh xắn

III - Thêm dấu hỏi (?) hoặc ngã (˘) vào các từ in nghiêng sau đây:

- a- Kiên tha lâu *cung* đầy *to*.
- b- Quê cha đất *tô*.
- c- Nói như nước *đô* đầu vọt.
- d- Người còn thì *cu* còn.
- đ- Ai ơi! *Gi*u chí cho bền,
Dù ai xoay hướng *đôi* nên mặc ai. Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng *hay* còn trơ trơ.
- e- Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng *hay* còn trơ trơ.

Đặt câu:

suy nghĩ - nghỉ ngơi - kiên nhẫn

- **Đối thoại.**

Kiên Nhẫn Là Mẹ Thành Công

- **Mai:** Thưa ông ngoại, có nhiều khi công việc quá lớn lao và khó khăn. Một mình dù có cố gắng đến đâu cũng không làm được. Vậy phải làm thế nào ? Hở ông!
 - **Ông ngoại:** Phải, cháu nhận xét đúng lắm. Trên thực tế, có nhiều việc một mình không thể làm gì được cả. Thế ông đố các cháu người ta phải làm gì để đạt được mục đích ?
 - **Tâm:** Thưa ông ngoại, người ta phải hợp sức lại để làm.
 - **Ông ngoại:** Được lắm, nhưng khi đã hợp sức lại rồi mà vẫn chưa được thì còn phải làm gì nữa ?
 - **Liên:** Thưa ông, người ta còn phải cần có thời gian để suy nghĩ hết thế hệ này đến thế hệ khác.
 - **Ông ngoại:** Các cháu thông minh lắm! Ông lấy thí dụ: Vua Lê Lợi thời xưa vốn là một người dân yêu nước nổi lên đánh đuổi quân Tàu dành lại độc lập cho nước nhà. Cuộc kháng chiến vô cùng cam go, phải có toàn dân giúp sức và kéo dài đến mười năm mới thành công.
- *Thầy cô sắp xếp học sinh thành nhiều nhóm để các em luân phiên tập đối thoại theo bài trên.*



Bài làm ở nhà 14

- **Kể chuyện.**

Loài Vật Giúp Ích cho Người

Chó hỏi mèo:

- Tôi đây ngày đêm giữ nhà còn phải nằm đất. Anh có **công trạng** gì mà nằm trên giường cao, chăn sạch ?

Mèo trả lời:

- Nếu không có tôi thì chuột làm **loạn**. Chúng ăn hết thóc gạo, còn đâu là cơm thừa để nuôi anh.

Đang lúc ấy, gà trống đứng gần, **bới** đất kiếm ăn, làm bắn cả lên đầu mèo. Mèo giận mắng gà trống:

- Mi thật **vô tích sự**, chỉ làm bắn sên, lại lăm cả chúng tôi.

Gà nói:

- Tôi gáy sáng, trưa, khuya, sớm để mọi người thức dậy làm việc. Các anh có ai thay được việc làm của tôi không ?

Đứng trên hè chủ nhà gọi chó, mèo và gà đến mà nói rằng:

- Đừng cãi nhau nữa, ta đã biết việc làm có ích của chúng bay rồi.

Giải nghĩa:

- **Công trạng:** Thành quả lớn đối với loài người hay đất nước. - **Loạn:** Tình trạng phá rối và không có trật tự. - **Bới:** Cào, gạt hay moi móc để tìm ra vật gì. - **Vô tích sự:** Không được việc gì cả.

Đại ý:

Chó, mèo và gà đều là loài vật giúp ích cho người.

- **Bài làm.**

1- Câu hỏi.

Để giúp ích cho người, các loài vật như:

- a) Chó thì làm gì ?
- b) Mèo có công trạng gì ?
- c) Gà làm việc ra sao ?
- d) Chủ nhà đã nói gì với ba con vật trên ?

2- Tập làm văn.

Hãy kể cha mẹ nghe việc học tập tiếng Việt của em đã có nhiều tiến bộ.

3- Chép lại và thêm dấu đoạn văn:**Đàn Chim Việt**

Con một tuần lễ nữa thi vừa hết khoa học. Các em chăm chỉ đến lớp. Đua chen với bạn bè tập đọc, tập viết và nói tiếng mẹ đẻ. Riu rít như chim, các em là nguồn vui hạnh phúc của mẹ cha. Thay cô chia sẻ niềm vui cao quý này. Hẹn ngay gặp lại đàn chim Việt men yêu...

Chúng Em Cùng Học - Cấp 3
TTVNVL

4- Giải nghĩa, đặt câu:

sinh tố - kiên nhẫn - tự tin - chần - ngã lòng - lảm

5- Tìm tiếng phản nghĩa:

chăm chỉ - kiên nhẫn - ích lợi - thất bại

6- Tả một con vật nuôi trong nhà mà em thích.

- Thâu băng.**

Thâu vào băng cassette mỗi bài hai lần để nộp thầy cô chấm điểm tập đọc:

“Tinh Kiên Nhẫn” và “Loài Vật Giúp Ích Cho Người”



BÀI MUỖI LĂM

Bài thi mẫu cuối khóa

Thầy cô dùng bài ôn thi mẫu này để soạn đề thi mà học sinh đã học trong những tuần lễ vừa qua.

1. Chính tả.

- Viết một trong ba bài tập đọc hay chính tả do thầy cô chỉ định trước cho học sinh ôn thi.

- Tìm đại ý bài chính tả.

2. Học thuộc lòng: Viết lại một trong hai bài học thuộc lòng:

- a) (Đầu bài)
- b) (Đầu bài)

3. Chép lại và thêm dấu bài học thuộc lòng hay một đoạn văn như:

Đi Chợ

Hom nay la ngay thu bay, Mai và Tâm theo me đi chợ.

Cuối tuan, chợ rất đông khách hang. Vao trong chợ, Tâm giúp me đẩy chiếc xe chợ đồ. Mai cùng me chọn lựa các thu can mua. Tren các ke dọc theo các quầy hang đây ắp nhưng món hang cần thiết, gia ca đều được ghi sẵn. Đầu tiên, me ghé vào hang thịt để mua thịt bò, thịt heo và thịt gà. Mai thì đi đến các quầy rau trái. Đây là cho thực phẩm A Đông nên có đầy đủ các loại rau quả như: rau muống, rau ngò, tía tô, rau que, rau cần và các loại quả (trái) như: quả mướp, đu đủ, cà pháo, quả bầu, quả bí. . . .



4. Từ phản nghĩa, đồng nghĩa.

5. Phân biệt tiếng.

6. Từ ghép: Tìm hai (2) từ ghép:

thành - thời - con

7. Sử kí.

- Soạn câu hỏi cho học sinh trả lời.

8. Địa lí.

- Soạn câu hỏi cho học sinh trả lời.

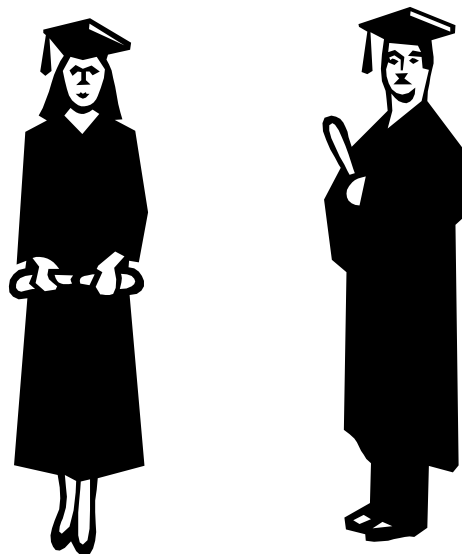
9. Tập làm văn:

Chọn một trong hai đề tài như:

a- Hãy viết một đoạn văn về buổi lễ mãn khóa của trường Văn Lang.

b- Hãy viết một đoạn văn cảnh gia đình sum họp sau bữa ăn tối.

10. Ca dao, tục ngữ, thành ngữ



Bài Tập Làm Văn mẫu:

Đề Bài:

Hãy viết từ 3 đến 4 câu để tả anh, chị, em ruột của mình.

Bài mẫu số 1:

Chị Trúc là chị gái của em. Năm nay, chị mười ba tuổi, học sinh lớp tám trường Tiểu học Nguyễn Trãi. Mái tóc chị đen mượt, dài đến thắt lưng, nước da trắng hồng. Đôi mắt to tròn cùng nụ cười rạng rỡ khiến cho gương mặt chị có một vẻ đẹp mộc mạc, dễ thương. Thấy chị Trúc được thầy cô, bạn bè yêu mến, em rất tự hào về chị gái của em.

Bài mẫu số 2:

Đức là tên của anh Hai của em. Anh là lính Hải quân đóng tại đảo Guam. Vóc dáng anh cao to, vạm vỡ. Nước da nâu bóng như đồng hun. Em rất thích nụ cười tươi rói và đôi mắt đen sáng của anh. Tháng Năm vừa qua, anh được đơn vị cử làm đại diện tham dự Hội Nghị Thanh Niên Xuất Sắc toàn quốc được tổ chức tại San Jose. Em rất tự hào về anh trai mình.

Bài mẫu số 3:

Phương Bình em tôi năm nay vừa tròn mười tuổi. Vóc người cân đối, khỏe mạnh. Dáng đi nhanh nhẹn, hoạt bát. Mái tóc cắt ngắn gọn gàng. Em có gương mặt chữ điền, sống mũi thẳng và cao. Trên khuôn mặt em, thích nhất là đôi mắt sáng và đen. Nơi đó có nét gì thông minh khó tả. Trong lớp khi thầy giảng bài, em chăm chú lắng nghe và về nhà em làm lại ngay. Người ta thường nói: “Học đi đôi với hành” là vậy.

NGŨ VỤNG ĐÃ HỌC

B

Bới: Cào, gạt hay moi móc để tìm ra vật gì.

C

Căm phẫn: Tức giận, căm thù.

Cần cù: Chăm chỉ hay chịu khó một cách thường xuyên.

Cô đơn: Một mình, không có ai ở gần bên cạnh.

Công chúa: Con gái của vua.

Cộng đồng: Một số người cùng chung nhau hay toàn thể những người trong xã hội.

Công trạng: Thành quả lớn đối với loài người hay đất nước.

Cực khổ: Vất vả khổ sở, không được sung sướng.

Cung: Nơi vua ở.

CH

Chải chuốt: Tô điểm kĩ để làm đẹp.

Chao cánh: Nghiêng cánh về một bên.

Châu thổ: Vùng đất do phù sa sông tạo thành.

Châu: Vùng đất rộng lớn.

Chiếc trải: Chiếc thuyền dài và hẹp dùng để đua.

Chính nghĩa: Lễ phải chính đáng.

Chuẩn bị: Đã sửa soạn xong từ trước.

Chuyện: Việc kể ra bằng lời nói, ngôn từ.

D

Du khách: Người đi du lịch.

Đ

Đại đẳng khoa: Thi đỗ, ra trường.

Đạo đức: Lòng tốt và ngay thẳng.

Đảo: Trộn đều lên.

Đấu tranh: Ý nói ở đây là chống đối.

Điều khiển: Sai khiến, ra lệnh.

Định cư: Sống cố định ở một địa phương nào.

Đồ chạm: Vật được đục hay khắc các nét và hình rất mỹ thuật.

Đồ gốm: Vật làm bằng đất hay đất sét rồi nung lên như sành, sứ ...

Đồ khảm: Vật có gắn các loại màu sắc vào những hình đục sẵn.

Đồ ngà: Vật làm bằng ngà voi hay răng của thú vật.

Đồ sơn mài: Vật được vẽ và tráng lên một lớp nhựa cây trong và bóng.

Đồi mồi: Loại rùa biển có mai rùa đẹp được dùng làm đồ trang sức.

Đối thoại: Nói chuyện qua lại giữa hai người hay nhiều người với nhau.

Đồng bào: Người cùng giòng giống, quê hương, màu da.

Đồng phục: Quần áo giống nhau, cùng màu, cùng kiểu.

Động: Còn vương lại chưa tan đi.

Động: Hang núi (hốc lớn) có thể ở được.

G

Gia súc: Các loại thú vật nuôi trong trại.

Gia súc: Thú vật nuôi trong nhà hay trong chuồng.

Gia tộc: Nhiều gia đình có cùng một tổ tiên.

Giao thông: Sự đi lại, chuyên chở hàng hóa từ nơi này đến nơi khác

H

Hải lưu: Dòng nước chảy ngoài biển.

Hải ngư nghiệp: Nghề nuôi và đánh cá biển.

Hải sản: Sản phẩm từ biển mà ra.

Hang: Hốc lớn trong núi.

Hành hoa: Loại hành lá xanh, củ nhỏ

Hiện diện: Có mặt tại chỗ.

Hiển hách: Rực rỡ, chói lọi.

Họ hàng: Người trong cùng một họ.

Hòa thuận: Sống chung yên vui, không cãi cọ.

Hồi hộp: Xôn xao, nao nức trong lòng.

Hợp quần: Đoàn kết lại với nhau.

Hướng dẫn: Chỉ bảo, giúp cho biết cách thức.

K

Kì diệu: Rất lạ lùng và không thể cắt nghĩa nổi.

Kì lạ: Lạ không thể ngờ.

Kĩ nghệ: Nghề làm hàng hóa bằng máy thay cho sức người.

Kì quan: Cảnh đẹp lạ lùng, hiếm có.

Kiên nhẫn: Khả năng làm việc bền bỉ, không nản lòng.

Kính trọng: Tôn kính và quý mến.

KH

Khoa trưởng: Người đứng đầu một ngành ở trường đại học.

Khoan dung: Rộng lượng tha thứ khi có lỗi.

L

Lập nghiệp: Gây dựng cơ nghiệp.

Lẩu : (Củi lao) một loại nồi bằng kim loại để nấu, có lò than ở giữa hay ga (gas).

Liên hệ mật thiết: Có quan hệ với nhau rất chặt chẽ.

Lú lo: Nói nhiều và nhanh.

Loạn: Tình trạng phá rối và không có trật tự.

Lòng nhân: Lòng thương người, đồng loại.

Lượn lờ: Bơi lờ dờ.

M

Mặc niệm: Nghiêm trang để tưởng nhớ người đã mất.

Mồ côi: Trẻ con có cha mẹ đã chết.

Mô phạm: Khuôn mẫu để mọi người noi theo.

Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ: Ý nói một người mắc nạn hoặc có chuyện buồn là cái tai nạn hay mối buồn chung cho tất cả.

N

Nông gia: Người trông trọt, cày cấy.

Nóng hổi: Rất nóng đến bốc hơi.

Nước dùng: Nước được hầm với thịt và xương để chan vào bánh phở.

NG

Ngư nghiệp: Nghề đánh cá và nuôi cá.

Ngư sản: Sản phẩm từ cá mà ra.

Ngục: Nhà tù.

NH

Nhẫn nại: Khả năng chịu đựng những khó khăn vất vả.

Nhân từ: Hiền lành có lòng thương người.

Nhu cầu: Số lượng cần thiết.

PH

Phái đoàn: Một nhóm người đi làm cùng một việc.

Phân biệt: Chia cách ra để không lẫn lộn.

Phăng phắc: Lặng im không có tiếng động.

Phăng phắt: Lờ mờ, không rõ ràng.

Phát âm: Nói lên thành tiếng nghe được.

Phất phới: Bay lạt qua lạt lại.

Phát triển: Làm cho lớn rộng ra.

Phát triển: Làm cho rộng lớn hơn.

Phi trường: Nơi máy bay lên và xuống.

Phổ biến: Lan rộng ra.

Phon phớt: Màu rất nhạt.

Phong tục: *Lễ lối xưa*

Phượng Hoàng: *Một loài chim lớn.*

QU

Quan thuế: *Nơi kiểm soát hành lý xuất nhập cảnh.*

Quần vợt: *Môn thể thao dùng vợt đánh banh qua lưới (Tennis).*

Quờ: *Sờ soạng.*

Quốc ca: *Bài hát chính thức của một nước dùng trong các buổi lễ.*

Quốc gia: *Một nước có đất đai, dân chúng và chủ quyền.*

R

Rèn luyện: *Học tập để đạt tới thông thạo.*

Rét mướt: *Gió lạnh và ẩm ướt.*

S

Sa ngã: *Không còn tự giữ mình được nữa.*

Sa thải: *Cho nghỉ việc.* - **Áo cà sa:** *Áo khoác ngoài của nhà sư.*

Sẻ áo: *Chia bớt quần áo của mình cho người khác.*

Sinh tố: *Chất bổ trong trái cây (vitamin).*

Sinh viên: *Học sinh học đại học.*

Sợi dây vô hình: *Ý nói tình cảm trong gia tộc được ví như sợi dây vô hình.*

Sức mạnh: *Sự mạnh mẽ có thể đảm đương nổi nhiều việc nặng nề, khó khăn.*

Suy đồi: *Sự sút kém và hư hỏng.*

T

Tập hợp: *Nhóm lại.*

Tập quán: *Thói quen đã có từ lâu đời.*

Tậu: *Mua.* - **Sản nghiệp:** *Của cải, tài sản.*

Tị nạn: *Lánh đi đến nơi khác để tránh khỏi bị đe dọa hoặc nguy hiểm tánh mạng do kẻ cầm quyền gây ra.*

Tiện nghi: *Dễ dàng tiện lợi.*

Tiến sĩ: *Cấp bằng cao nhất của người đỗ khoa thi đình thời xưa hoặc cấp bằng cao nhất của bậc trên đại học.*

Tiểu công nghệ: *Nghề làm ra hàng hóa bằng tay.*

Tiểu đẳng khoa: *Cưới vợ.*

Tinh hoa: *Phần cao quý tốt đẹp nhất.*

Tờ thực đơn: *Tờ liệt kê các món ăn uống.*

Tổ tiên: *Ông bà qua đời đã lâu của một dòng họ.*

Tối mịt: *Rất tối.*

Tốt nghiệp: *Được công nhận đạt tiêu chuẩn học xong bậc đại học.*

Tự nhủ: *Nói với chính mình.*

Tù phạm: *Người đang bị ở tù.*

Tự tin: *Sự tin tưởng vào bản thân mình.*

Tứ tung: *Lộn xộn khắp mọi nơi.*

Túi bạc: *Túi đựng tiền.*

TH

Thái tử: *Hoàng tử được chọn để sau này nối ngôi vua.*

Tham gia: *Góp phần của mình vào một hoạt động chung.*

Thắng cảnh: *Cảnh đẹp thiên nhiên.*

Thành quả: *Kết quả quý giá đạt được.*

Thập cẩm : *Gồm nhiều thức ăn bỏ cùng một lúc để nấu chín.*

Thơm phức: *Mùi rất thơm.*

Thơm phưng phức: *Mùi rất thơm.*

Thực phẩm: *Đồ ăn, thức uống.*

Thương thân: *Tình thương cho chính mình.*

TR

Trải qua: *Đã từng biết qua, từng sống qua.*

Trẫm: *Tiếng của vua tự xưng với mọi người*

Tranh tài: *Thi đua để lấy giải thưởng.*

Trau dồi: *Học tập, tu luyện.*

Trẹo: *Trật khớp (xương).*

Trí tuệ: Khả năng hiểu biết bằng trí óc.

Trìu mến: Biểu lộ tình thương tha thiết.

Trôi chảy: Trơn tru, lưu loát, không vấp vấp.

Trung tâm trưởng: Người chịu trách nhiệm về việc dạy dỗ, kỉ luật ... toàn trường.

Truyền thống văn hóa: Giá trị vật chất và tinh thần của một quốc gia văn minh lưu truyền từ xưa đến nay.

Truyện: Việc kể ra bằng chữ viết, được ghi lại trên giấy.

U

Ứng dụng: Dùng những tiếng vừa học đặt thành câu.

Uốn khúc: Quay co qua lại.

V

Ve vẩy: Vẩy qua vẩy lại.

Viện trưởng: Người đứng đầu một trường đại học.

Vịnh: Vùng bờ biển ăn sâu vào đất liền.

Vô tích sự: Không được việc gì cả.

Vó: Đồ dùng để bắt cá.

Vua Thủy Tề: Vua dưới nước.

X

Xã giao: Sự tiếp xúc với nhau trong xã hội.

Xa xỉ: Tốn tiền không cần thiết.

Xâm lấn: Đem quân đánh chiếm.

Xao động: lay động, không yên.

Xao lãng: Quên đi việc chính phải làm.

Xao xác: Tiếng gà gáy, tiếng chim vỗ cánh nối tiếp nhau làm lay động không gian vắng lặng.

Xiêu vẹo: Ngả nghiêng, không vững chãi.

Xinh tươi: Xinh và tươi tắn.

Xinh xắn: Rất xinh.

Xôn Xao: Tiếng động xen lẫn nhau.

Xứ sở: Đất nước, quê hương.

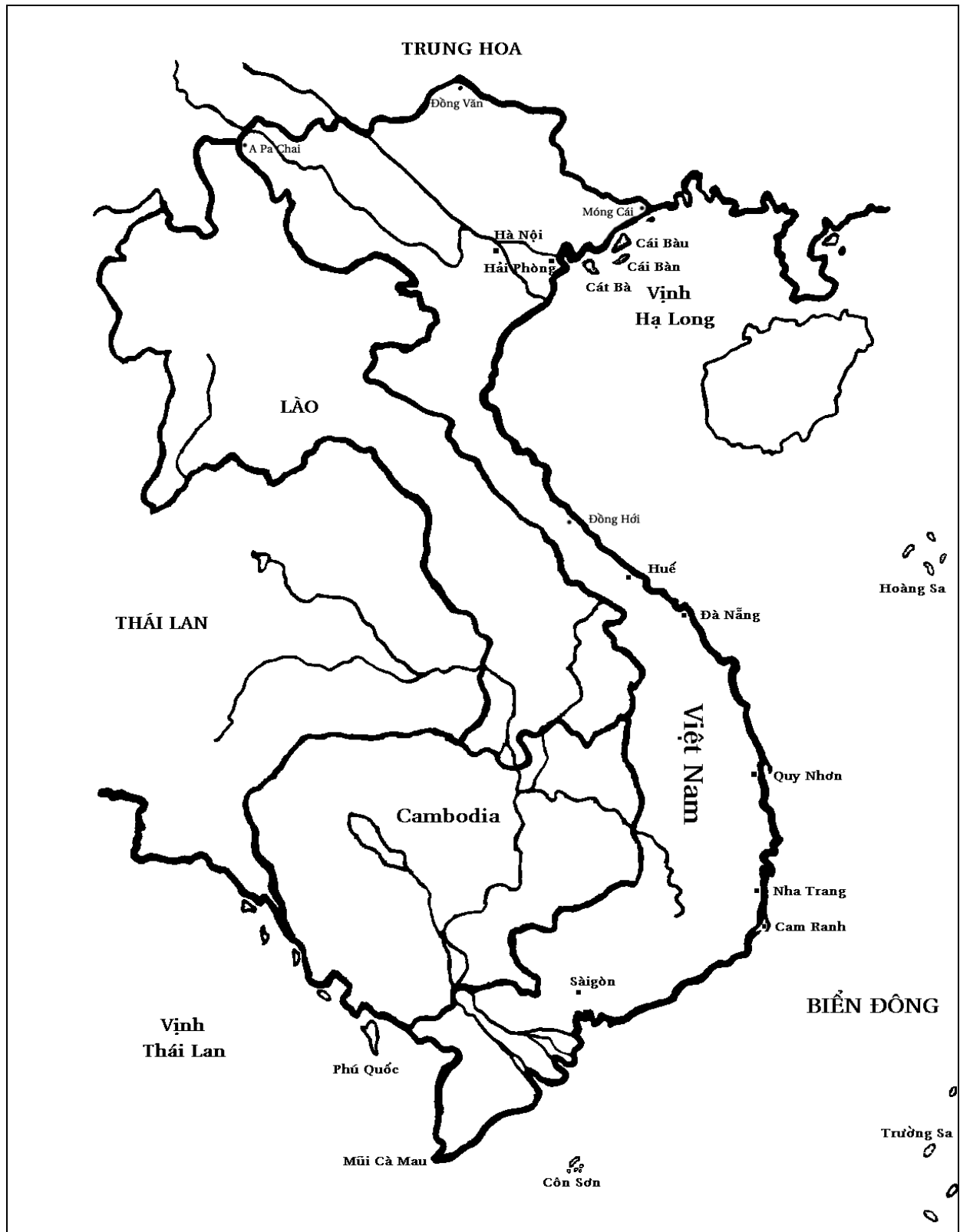
Xuất cảng: Bán hàng ra nước ngoài.

Xúc động: Cảm động tức thời.

Xướng danh: Gọi tên.

----- oOo -----

Bản đồ Việt Nam.



Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Địa lí Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn
- **Quốc Văn Giáo Khoa Thư.**
- **Tài Liệu của Bộ Quốc Gia Giáo Dục .**



QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lưu Hữu Phước



Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng
 đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng
 xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù
 cho thầy phôi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem
 báo Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy, người Công Dân
 luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang
 tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới
 cờ Công Dân ơi Mau làm cho cỏi bờ, thoát cơn tàn phá, về
 vang nòi giống xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc Hồng

VĂN LANG HÀNH KHÚC

Thượng Nhân



Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn
Lòng hằng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời



Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lừng thế hệ mới



Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đấu
Hướng về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đắp



tranh xây Cho khắp nơi chan hoà mừng vui
xây Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên



Anh chị em hồi mau về đây ta cùng tô thắm cho đời



sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

Thượng Nhàn

Noi Văn Lang em vui học vui Em siêng
 Noi Văn Lang em luôn học chăm Em hăng
 năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương
 say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong
 mẫu Cho xứng là giống giống Ròng Tiên
 lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô
 Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết
 chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu
 ích Cho xứng là giống giống Việt Nam
 Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ
 Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra
 phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo
 sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn
 Để mai sau xứng thành người dân
 Sẽ mang cống hiến về quê hương

VIỆT NAM

Phạm Duy



Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt

Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia

đời Việt Nam đây miền xinh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình bác ái muôn

đời Việt Nam không đời xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài

lâu Việt Nam trên đường tương lai hứa thiêng soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho

đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình

người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng

ngôi Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

Nguyễn Đức Quang

1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tụt. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang
 2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng phin về một xa

vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang
 xăm. Da chan mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tươi. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt

xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không
 trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân

tươi. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sỏi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân
 Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian. Hỡi những ai gục xuống nơi đây hùng cường đi

gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông
 lên.

miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không người

chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa

vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng (2. Ta như giống.....)